vvob
Giáo dục vì Sự phát triển
www.vvob.be/vietnam

# HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VỚI VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

SP
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

# HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VỚI VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

vvob
Giáo dục vì Sự phát triển
www.vvob.be/vietnam

SP
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TS. LỤC THỊ NGA – PGS.TS. NGUYỄN TUYẾT NGA

# MỤC LỤC

**LỜI GIỚI THIỆU** 5

**PHẦN 1: KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG** 9

***Hoạt động 1:*** Làm quen và xác định nhu cầu 10
***Hoạt động 2:*** Hệ thống khái niệm liên quan đến đánh giá 11
***Hoạt động 3:*** Tìm hiểu một số loại hình đánh giá giáo dục 12
***Hoạt động 4:*** Xem xét một số quy định liên quan đến đánh giá 13
***Hoạt động 5:*** Khám phá những điểm mới về đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực 14
***Hoạt động 6:*** So sánh đánh giá theo năng lực và đánh giá theo kiến thức và kĩ năng 15
***Hoạt động 7:*** Nghiên cứu về đánh giá theo năng lực 16
***Hoạt động 8:*** Sử dụng các công cụ đánh giá kết quả học tập của học sinh 17
***Hoạt động 9:*** Khởi động và xác định mục tiêu học tập Phần 2 18
***Hoạt động 10:*** Xác định tính nguyên tắc trong xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh 19
***Hoạt động 11:*** Xác định những yêu cầu năng lực đối với Hiệu trưởng trong chỉ đạo đánh giá kết quả học tập của học sinh 20
***Hoạt động 12:*** Xác định quy trình xây dựng và cấu trúc kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh 21
***Hoạt động 13:*** Tổ chức bộ máy thực hiện kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh 22
***Hoạt động 14:*** Chỉ đạo thực hiện kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh 23
***Hoạt động 15:*** Kiểm tra, giám sát, điều chỉnh, đánh giá kết quả học tập của học sinh 24

**PHẦN 2. TÀI LIỆU HỖ TRỢ TẬP HUẤN** 25

**A. Một số vấn đề Hiệu trưởng cần biết về đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực** 26

Tổng quan về đánh giá 26

1. Một số khái niệm công cụ 26
2. Một số loại hình đánh giá giáo dục 29
3. Một số quy định trong Thông tư số 58/2011/TT–BGD&ĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và THPT 33

II. Đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực 34

1. Những điểm mới về đánh giá kết quả học tập của học sinh 34
2. Chuyển từ đánh giá theo kiến thức, kĩ năng sang đánh giá theo năng lực của người học 35

III. Đánh giá năng lực 39

1. Quan niệm về đánh giá theo năng lực 39
2. Chức năng của đánh giá 40
3. Nguyên tắc đánh giá 40
4. Đánh giá năng lực như thế nào? 43

**B. Hiệu trưởng quản lí hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực** 52

I. Một số nguyên tắc chỉ đạo và yêu cầu năng lực đối với Hiệu trưởng trong đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực 52

1. Kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh 52
2. Những nguyên tắc cơ bản trong chỉ đạo đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực 55
3. Những yêu cầu năng lực đối với Hiệu trưởng 57

II. Một số biện pháp quản lí hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực 61

1. Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực 61
2. Tổ chức bộ máy thực hiện kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực 67
3. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực 70
4. Kiểm tra, giám sát, điều chỉnh và đánh giá thực hiện kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực 78

**PHỤ LỤC** 81

***Phụ lục 1:*** Tài liệu cho Hoạt động 1 82

***Phụ lục 2:*** Tài liệu cho Hoạt động 2 83

***Phụ lục 3:*** Một số ví dụ và phân tích ví dụ cho Hoạt động 5 83

***Phụ lục 4:*** Đáp án cho Hoạt động 9 115

***Phụ lục 5:*** Phiếu học tập cho Hoạt động 10 117

***Phụ lục 6:*** Phiếu học tập cho Hoạt động 11 118

***Phụ lục 7:*** Phiếu học tập cho Hoạt động 13 118

***Phụ lục 8:*** Phiếu học tập cho Hoạt động 14 120

***Phụ lục 9:*** Phiếu học tập cho Hoạt động 15 120

**TÀI LIỆU THAM KHẢO** 122

# LỜI GIỚI THIỆU

Phấn đấu để giáo dục Việt Nam phát triển cơ bản và toàn diện theo định hướng chiến lược phát triển đến 2020 và tầm nhìn đến 2030, từ nhiều năm nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) chỉ đạo mạnh mẽ việc đổi mới nội dung và phương pháp dạy học ở tất cả các bậc học, trong đó tập trung nhiều vào giáo dục phổ thông, bao gồm giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông. Ngoài việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa, Bộ GD&ĐT chỉ đạo từ các Sở, Phòng GD&ĐT đến các trường phổ thông thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh và ngày càng tiếp cận đến chuẩn đánh giá quốc tế về kết quả học tập của học sinh phổ thông. Bộ GD&ĐT đã chủ trì nhiều hội thảo, nhiều đợt tập huấn giáo viên cốt cán về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Tuy nhiên, sức lan tỏa của chủ trương đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh vẫn còn đôi phần hạn chế. Một trong những nguyên nhân cơ bản nhất của tình trạng nêu trên là công tác quản lí hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh ở các trường phổ thông còn chưa theo kịp yêu cầu đổi mới. Thực tế đó đòi hỏi chúng ta cần phải có những biện pháp thiết thực trong việc quản lí công tác đổi mới cả quá trình, từ phương pháp dạy học đến kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông nói chung, đặc biệt là biện pháp quản lí của Hiệu trưởng trường trung học cơ sở với vấn đề đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực nói riêng.

Nhận thức được vấn đề trên, Tổ chức Hợp tác Phát triển và Hỗ trợ Kĩ thuật vùng Flamăng, Vương quốc Bỉ (VVOB Việt Nam) phối hợp với các chuyên gia và nhóm cán bộ nòng cốt thuộc 5 tỉnh tham gia dự án biên soạn cuốn tài liệu **"Hiệu trưởng trường trung học cơ sở với vấn đề đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh"**, nhằm thử nghiệm, đi trước đón đầu xu hướng đánh giá mới theo chuẩn quốc tế, hướng tới những mục tiêu cơ bản sau: *Một là*, cung cấp một số thông tin cơ bản Hiệu trưởng trường trung học cơ sở cần biết về đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực, bao gồm hệ thống một số khái niệm liên quan đến đánh giá; quan niệm về năng lực và đánh giá theo năng lực; những điểm khác biệt giữa đánh giá theo năng lực và đánh giá theo kiến thức, kĩ năng; thực tiễn việc triển khai một số loại hình đánh giá ở địa phương; những điểm thuận lợi và khó khăn khi áp dụng các công cụ đánh giá mới,... *Hai là*, đề xuất một số biện pháp đối với Hiệu trưởng trường trung học cơ sở liên quan đến việc quản lí hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực, bao gồm một số nguyên tắc chỉ đạo chung và yêu cầu năng lực đối với Hiệu trưởng trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh; ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh; các bước trong quy trình và cấu trúc xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh; đề xuất một số biện pháp quản lí hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh theo chức năng quản lí dạy học, giáo dục trong nhà trường.

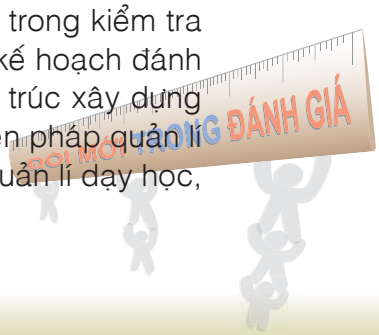

Cuốn tài liệu tập huấn **"Hiệu trưởng trường trung học cơ sở với vấn đề đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh"** bao gồm hai phần chính: **Phần 1 – Kế hoạch bài giảng**: Hỗ trợ cho cán bộ cốt cán 5 Tỉnh/ Thành phố triển khai bồi dưỡng đại trà cho đội ngũ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, cán bộ quản lí, chuyên viên phụ trách cấp học ở các Phòng Giáo dục và Đào tạo tại địa phương. **Phần 2 – Tài liệu hỗ trợ tập huấn**: nội dung tài liệu không chỉ giúp cán bộ quản lí cốt cán gia tăng, củng cố kiến thức, kĩ năng quản lí dạy – học, kĩ năng đánh giá kết quả học tập của học sinh trong nhà trường mà còn là nguồn tài liệu mở hữu ích giúp cán bộ quản lí và đội ngũ giáo viên kế cận tăng cường kĩ năng tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên, suốt đời hướng tới thành công. Cấu trúc tóm tắt của mỗi phần như sau:

## PHẦN 1: KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG

Bao gồm 15 hoạt động. Mỗi hoạt động viết theo hướng tập huấn tích cực dành cho người trưởng thành dưới hình thức giao lưu – học hỏi – chia sẻ kinh nghiệm. Mỗi hoạt động đều được viết theo cấu trúc thống nhất sau:

Thời gian
Mục tiêu
Học liệu và chuẩn bị
Tiến trình hoạt động
Lưu ý
Đánh giá

## PHẦN 2. TÀI LIỆU HỖ TRỢ TẬP HUẤN

Phần tài liệu hỗ trợ tập huấn được viết theo hai mạch nội dung chính, bao gồm mạch kiến thức cơ bản về đánh giá kết quả học tập của học sinh và mạch kĩ năng quản lí hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực, nhằm cung cấp thông tin rộng và sâu để người tập huấn cũng như người đọc có thể tham khảo thêm.

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn Hợp phần Quản lí giáo dục, tổ chức VVOB Việt Nam và nhóm cán bộ cốt cán thuộc 5 tỉnh tham gia dự án đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành cuốn tài liệu tập huấn này. Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc biên soạn, nhưng với sự vận động phát triển không ngừng của khoa học quản lí và thực tiễn giáo dục trong nhà trường, chắc chắn tài liệu chưa đáp ứng được mọi yêu cầu của đội ngũ cán bộ quản lí trường trung học cơ sở và khó tránh khỏi thiếu sót.

Trong quá trình triển khai, nhóm tác giả mong tiếp tục nhận được những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, nhà giáo, nhà quản lí thực tiễn và học viên để bổ sung, điều chỉnh tài liệu thêm hoàn thiện và hữu ích.

Nhóm tác giả chân thành cảm ơn mọi ý kiến đóng góp cho việc nâng cao chất lượng của tài liệu.

Mọi góp ý xin gửi về địa chỉ:

ThS. Đặng Tuyết Anh: tuyetanhd@gmail.com
TS. Lục Thị Nga: lucthinga@gmail.com
PGS.T.S. Nguyễn Tuyết Nga: ntnga61@yahoo.com.vn

NHÓM TÁC GIẢ

# PHẦN 1: KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG

## Làm quen và xác định nhu cầu

## Hoạt động 1

**Thời gian:** Thời gian: 30 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 1, giảng viên và học viên có thể:

- Làm quen và nhận biết được các thành viên khác trong khóa tập huấn;
- Chia sẻ thông tin cá nhân: điểm mạnh, điểm yếu, khả năng của bản thân với thành viên khác;
- Đề xuất và cùng thống nhất các quy định, nhu cầu và mong muốn khi tham gia khóa tập huấn.

**Học liệu:**

- Bút viết, giấy màu, băng dính;
- Giấy A0 vẽ "cây mong đợi".

**Tiến trình:**

1. Tổ chức cho học viên đứng thành vòng tròn, nắm tay nhau, quay mặt vào trong vòng tròn và đếm số thứ tự từ 1 đến hết;
2. Tạo thành 2 vòng tròn nhỏ (học viên số chẵn đứng tại chỗ, học viên số lẻ bước một bước về phía trước rồi quay mặt lại để tạo thành từng cặp đứng đối diện nhau);
3. Mỗi cặp tự giới thiệu về mình (sử dụng "Bàn tay 5 ngón" – Phụ lục 1);
4. Giới thiệu về bạn cùng cặp trước lớp;
5. Tổng hợp các mong đợi của học viên khi tham gia khóa tập huấn và ghi vào "cây mong đợi";
6. Đối chiếu nhu cầu mong đợi của cả lớp với mục tiêu của khóa tập huấn.

**Đánh giá:** Hỏi người tham gia về ý nghĩa của hoạt động.

**Lưu ý:** Giảng viên hướng dẫn học viên vẽ các ngón tay tương đối "béo" để có thể viết đủ những điều mình suy nghĩ.

## Hoạt động 2 — Hệ thống khái niệm liên quan đến đánh giá

**Thời gian:** Thời gian: 30 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 2, học viên có thể:

- Nêu được mối quan hệ giữa kiểm tra và đánh giá;
- Trình bày được một số khái niệm liên quan đến đánh giá;
- Nhận thức được vai trò của chuẩn kiến thức, kĩ năng trong quản lí dạy học, đánh giá kết quả giáo dục ở từng môn học, hoạt động giáo dục.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 26 – 28;
- Câu hỏi thảo luận cho Hoạt động 2;
- Tình huống đánh giá.

**Tiến trình:**

1. Giảng viên hỏi một vài học viên câu hỏi 1 rồi đưa ra kết luận;
2. Giảng viên đưa ra tình huống đánh giá và yêu cầu học viên trả lời từng câu hỏi được đặt ra trong tình huống;
3. Giảng viên yêu cầu học viên dựa vào kinh nghiệm quản lí để trả lời câu hỏi 3.

### CÂU HỎI THẢO LUẬN

**Câu 1.** Thế nào là kiểm tra? Thế nào là đánh giá? Kiểm tra và đánh giá có mối quan hệ với nhau như thế nào?

**Câu 2.** Thảo luận và trả lời câu hỏi theo tình huống đánh giá kết quả học tập của học sinh.

**Câu 3.** Chuẩn kiến thức và kĩ năng có vai trò như thế nào trong quản lí dạy học và trong đánh giá kết quả giáo dục.

**Đánh giá:** Xem xét ý kiến của học viên khi trao đổi và thảo luận các câu hỏi.

**Lưu ý:** Giảng viên khuyến khích học viên dựa vào kinh nghiệm dạy học và quản lí của mình để trả lời các câu hỏi của giảng viên.

### TÌNH HUỐNG ĐÁNH GIÁ

1. Trong bài trắc nghiệm môn Toán, em Lan đạt 85/100 điểm. Đây có phải là đánh giá không?
2. Điểm của Lan là điểm đỗ (qua được). Đây có phải là đánh giá không?
3. Lan đã đạt được mục tiêu học tập. Đây có phải là đánh giá không?
4. Lan có thể tiếp tục học bài sau. Đây có phải là đánh giá không?

## Tìm hiểu một số loại hình đánh giá giáo dục — Hoạt động 3

**Thời gian:** Thời gian: 45 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 3, học viên có thể:

- Hệ thống các loại hình đánh giá giáo dục;
- Đánh giá thực tiễn việc triển khai một số loại hình đánh giá ở địa phương.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 29 – 33;
- Phiếu học tập cho Hoạt động 3;
- Giấy A0 và bút viết.

**Tiến trình:**

1. Giảng viên chia nhóm theo tỉnh và phát phiếu học tập;
2. Học viên thảo luận 2 câu hỏi và ghi kết quả vào giấy A0;
3. Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm;
4. Các nhóm khác nhận xét, sửa chữa và bổ sung;
5. Giảng viên chỉnh sửa và giúp các nhóm hoàn thiện phần trình bày.

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Câu 1.** Nêu một số loại hình đánh giá giáo dục mà bạn biết;

**Câu 2.** Đọc thông tin và cho biết trong những loại hình đánh giá mà tài liệu đề cập:

- Loại hình nào đã được triển khai ở địa phương bạn. Hãy đưa ra minh chứng cụ thể;
- Ở địa phương, loại hình nào triển khai có hiệu quả, loại hình nào chưa? Hãy giải thích nguyên nhân của việc triển khai chưa hiệu quả.

**Đánh giá:**

- Dựa trên kết quả làm việc của các nhóm.
- Xem xét ý kiến của học viên khi bình luận kết quả làm việc của nhóm khác.

**Lưu ý:** Giảng viên có thể sử dụng kĩ thuật "Phòng tranh" để tổ chức cho học viên xem xét và bình luận kết quả làm việc nhóm.

## Hoạt động 4 — Xem xét một số quy định liên quan đến đánh giá

(Thông tư số: *58/2011/TT–BGD&ĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011*)

**Thời gian:** Thời gian: 45 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 4, học viên có thể:

- Liệt kê các hình thức đánh giá kết quả học tập đối với các môn học cấp THCS;
- Nêu hình thức kiểm tra và các loại bài kiểm tra kết quả học tập đối với các môn học cấp THCS;
- Đề xuất những điều chỉnh hợp lí cho những quy định về hình thức đánh giá và kiểm tra trong Thông tư 58.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 33 – 34;
- Phiếu học tập cho Hoạt động 4;
- Giấy A4 và bút viết.

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Câu 1.** Bạn hãy nhớ lại và cho biết:

- Các hình thức đánh giá kết quả học tập đối với các môn học cấp THCS;
- Hình thức kiểm tra và các loại bài kiểm tra kết quả học tập đối với các môn học cấp THCS.

**Câu 2.** Theo bạn, những quy định về hình thức đánh giá và kiểm tra có ưu điểm nào và cần điều chỉnh gì? Tại sao?

**Tiến trình:**

1. Từng cặp học viên thảo luận 2 câu hỏi và ghi kết quả vào giấy A4;
2. Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc;
3. Học viên khác nhận xét, sửa chữa và bổ sung;
4. Giảng viên tổng hợp và bình luận các ý kiến đề xuất điều chỉnh một số quy định có liên quan đến đánh giá.

**Đánh giá:**

- Dựa trên kết quả làm việc theo cặp.
- Xem xét ý kiến của học viên khi nhận xét và tranh luận về những đề xuất điều chỉnh một số quy định có liên quan đến đánh giá.

**Lưu ý:** Giảng viên khuyến khích học viên mạnh dạn và sáng tạo trong quá trình đề xuất những điều chỉnh một số quy định có liên quan đến đánh giá.

## Khám phá những điểm mới về đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực

**Hoạt động 5**

**Thời gian:** Thời gian: 90 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 5, học viên có thể:

- Phân tích và bình luận một số ví dụ về đánh giá;
- Trình bày một số điểm mới về đánh giá kết quả học tập của học sinh trong bối cảnh tiếp cận năng lực.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 34 – 37, 83 – 114;
- Một số ví dụ về đánh giá trang 47 – 49;
- Phiếu học tập cho Hoạt động 5;
- Giấy A0 và bút viết.

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Câu 1.** Nghiên cứu các ví dụ về đánh giá và cho biết:

- Các ví dụ đó có ưu điểm gì?
- Các ví dụ đó có thách thức gì?
- Bạn có suy nghĩ gì sau khi nghiên cứu các ví dụ về đánh giá?

**Câu 2.** Hiện nay, đánh giá đang có những bước phát triển mới. Hãy suy ngẫm và cho biết những điểm mới về đánh giá kết quả học tập của học sinh.

**Tiến trình:**

1. Học viên làm việc độc lập, nghiên cứu kĩ các ví dụ về đánh giá;
2. Thảo luận nhóm theo phiếu học tập;
3. Đại diện các nhóm trình bày;
4. Các nhóm khác nhận xét, sửa chữa và bổ sung;
5. Giảng viên tổng hợp và chiếu tóm tắt nội dung hoạt động trên slide.

**Đánh giá:**

- Dựa trên kết quả làm việc của các nhóm;
- Xem xét ý kiến của học viên khi bình luận kết quả làm việc của nhóm khác.

**Lưu ý:** Khi yêu cầu học viên nghiên cứu các ví dụ về đánh giá của PISA (Phụ lục 3), giảng viên có thể chia nhóm theo lĩnh vực môn học: Đọc hiểu, Toán và Khoa học để tiết kiệm thời gian.

## Hoạt động 6 — So sánh đánh giá theo năng lực và đánh giá theo kiến thức và kĩ năng

**Thời gian:** Thời gian: 90 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 6, học viên có thể:

- Nêu được khái niệm về năng lực;
- Trình bày được những điểm khác giữa đánh giá theo năng lực và đánh giá theo kiến thức, kĩ năng.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 37 – 39;
- Câu hỏi thảo luận cho Hoạt động 6;
- Giấy A4 và bút viết.

**CÂU HỎI THẢO LUẬN**

**Câu 1.** Thế nào là năng lực?

**Câu 2.** So sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa đánh giá theo năng lực và đánh giá theo kiến thức và kĩ năng.

**Tiến trình:**

1. Giảng viên hỏi cả lớp câu hỏi 1 (Khuyến khích nhiều học viên trả lời);
2. Giảng viên đưa ra một số khái niệm năng lực từ góc nhìn khác nhau;
3. Học viên nghiên cứu tài liệu trang 39 – 43;
4. Học viên bổ sung thêm vào bảng so sánh những điểm khác biệt giữa 2 hình thức đánh giá này.

**Đánh giá:** Xem xét ý kiến của học viên khi trao đổi và trả lời câu hỏi 1, 2.

**Lưu ý:** Có thể có nhiều cách phát biểu khác nhau về khái niệm năng lực, xuất phát từ các góc nhìn khác nhau.

## Nghiên cứu về đánh giá theo năng lực

## Hoạt động 7

**Thời gian:** Thời gian: 90 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 7, học viên có thể:

- Nêu được quan niệm về đánh giá theo năng lực;
- Trình bày được những nguyên tắc đánh giá và một số lưu ý trong đánh giá năng lực.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 39 – 42;
- Phiếu học tập cho Hoạt động 7;
- Giấy A0 và bút viết.

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Câu 1.** Dựa vào khái niệm năng lực (Hoạt động 6) và khái niệm đánh giá kết quả học tập (Hoạt động 2), hãy đưa ra quan niệm về đánh theo năng lực.

**Câu 2.** Căn cứ vào các nguyên tắc đánh giá, hãy chỉ ra những điểm còn hạn chế ở địa phương mình khi triển khai hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh.

**Tiến trình:**

1. Giảng viên chia nhóm học viên theo tỉnh và phát phiếu học tập;
2. Học viên thảo luận 2 câu hỏi và ghi kết quả vào giấy A0;
3. Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm;
4. Các nhóm khác bình luận và trao đổi;
5. Giảng viên giúp các nhóm hoàn thiện phần trình bày.

**Đánh giá:**

- Dựa trên kết quả làm việc của các nhóm;
- Xem xét ý kiến của học viên khi bình luận và trao đổi kết quả làm việc của nhóm khác.

**Lưu ý:** Giảng viên có thể sử dụng kĩ thuật "Đắp bóng tuyết" để tổ chức cho học viên bình luận và tổng hợp kết quả làm việc nhóm.

## Hoạt động 8 — Sử dụng các công cụ đánh giá kết quả học tập của học sinh

**Thời gian:** Thời gian: 90 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 8, học viên có thể:

- Liệt kê một số công cụ đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn khi áp dụng những công cụ đánh giá mới.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 43 – 51;
- Câu hỏi thảo luận cho Hoạt động 8
- Giấy A4, A0 và bút viết

**CÂU HỎI THẢO LUẬN**

**Câu 1.** Kể tên những công cụ đánh giá mà địa phương bạn đã sử dụng hoặc đã nghe tên.

**Câu 2.** Đọc thông tin về các công cụ đánh giá kết quả học tập của học sinh và cho biết: Điểm nào bạn tâm đắc nhất? Tại sao?

**Câu 3.** Phân tích thuận lợi và khó khăn khi sử dụng những công cụ số 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 14 ở địa phương bạn.

**Tiến trình:**

1. Giảng viên sử dụng kĩ thuật động não để hỏi cả lớp câu hỏi 1;
2. Từng học viên đọc thông tin trang 43 – 51, trả lời câu hỏi 2 và ghi kết quả vào giấy A4;
3. Học viên thảo luận nhóm câu hỏi 3 và ghi kết quả vào giấy A0;
4. Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm (mỗi nhóm trình bày trước 1 – 2 công cụ);
5. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung;
6. Giảng viên giúp các nhóm hoàn thiện phần trình bày.

**Đánh giá:**

- Dựa trên kết quả làm việc của cá nhân và các nhóm;
- Xem xét ý kiến của học viên khi nhận xét và trao đổi kết quả làm việc của nhóm khác.

**Lưu ý:** Giảng viên có thể sử dụng kĩ thuật "Công đoạn" để tổ chức cho học viên thảo luận và trao đổi câu 3.

## Khởi động và xác định mục tiêu học tập Phần 2 — Hoạt động 9

**Thời gian:** Thời gian: 30 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 9, học viên có thể:

- Tạo được không khí thân thiện cho lớp học và rút ra bài học kinh nghiệm sau trò chơi: Việc tìm ra đáp án giải ô chữ chỉ là một phần của kết quả hoạt động, điều quan trọng là chọn được con đường dẫn đến đáp án hiệu quả nhất.
- Xác định được mục tiêu học tập Phần 2.

**Học liệu:**

- Giấy A4, A0
- Bút viết, bút dạ các màu
- Các bộ số nhiều màu từ số 1 đến 9

**Tiến trình:**

1. Giảng viên tổ chức chơi trò Giải ô Sudoku;
2. Các nhóm trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0;
3. Đại diện các nhóm báo cáo kết quả;
4. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung;
5. Giảng viên giúp các nhóm hoàn thiện phần trình bày và chiếu kết luận trên slide.

**CÂU HỎI THẢO LUẬN**

**Câu 1.** Hãy điền các số từ 1 đến 9 vào các ô trống sao cho tổng các hàng ngang, hàng dọc, hàng chéo của hình vuông đều bằng nhau.

| | | |
|---|---|---|
| | | |
| | | |
| | | |

**Câu 2.** Hãy nêu những điều bạn mong muốn đạt được từ Học phần 2 này.

**Đánh giá:**

- Dựa trên kết quả làm việc của cá nhân và các nhóm;
- Xem xét ý kiến của học viên khi nhận xét và trao đổi kết quả làm việc của nhóm khác.

**Lưu ý:**

- Ở câu 1, có thể cho 2 đội chơi xếp số vào ô trống, đội nào tìm ra đáp án nhanh hơn sẽ thắng;
- Có thể cho cả điểm biện luận ý nghĩa của trò chơi.

## Hoạt động 10 — Xác định tính nguyên tắc trong xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh

**Thời gian:** Thời gian: 90 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 10, học viên có thể:

- Liệt kê được một số nguyên tắc cơ bản khi xây dựng kế hoạch và chỉ đạo đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- Vận dụng được các nguyên tắc vào việc xây dựng kế hoạch và chỉ đạo đánh giá kết quả học tập của học sinh.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 52 – 57;
- Câu hỏi thảo luận;
- Phiếu học tập cho Hoạt động 10;
- Giấy A4, A0 và bút viết.

**CÂU HỎI THẢO LUẬN**

**Câu 1.** Qua thực tế quản lí hoạt động dạy học và giáo dục trong trường THCS, Thầy/Cô phân tích những nguyên tắc nào cần vận dụng khi xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh?

**Câu 2.** Qua thực tế quản lí hoạt động dạy học và giáo dục trong trường THCS, Thầy/Cô phân tích những nguyên tắc cơ bản cần vận dụng khi chỉ đạo đánh giá kết quả học tập của học sinh?

**Tiến trình:**

1. Giảng viên chia nhóm và gợi ý để thảo luận cặp đôi, sau đó các nhóm thảo luận chung;
2. Các nhóm trình bày kết quả trên giấy A0 theo hình thức sơ đồ hóa hoặc bản đồ tư duy;
3. Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm;
4. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung;
5. Giảng viên giúp các nhóm hoàn thiện phần trình bày và chiếu kết luận trên slide.

**Đánh giá:**

- Dựa trên kết quả làm việc của cá nhân, các nhóm;
- Xem xét ý kiến của học viên khi nhận xét và trao đổi kết quả làm việc của nhóm khác.

**Lưu ý:** Có thể sử dụng phương pháp đàm thoại, đóng vai để chia sẻ kinh nghiệm từ những tình huống cụ thể (Xem Phiếu học tập cho Hoạt động 10).

## Xác định những yêu cầu năng lực đối với Hiệu trưởng trong chỉ đạo đánh giá kết quả học tập của học sinh

**Hoạt động 11**

**Thời gian:** Thời gian: 45 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 11, học viên có thể:

- Liệt kê được một số năng lực cơ bản của Hiệu trưởng trong chỉ đạo đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- Vận dụng hài hòa được các năng lực sư phạm và năng lực quản lí vào công tác quản lí đánh giá kết quả học tập của học sinh.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 57 – 61;
- Câu hỏi thảo luận;
- Giấy A4: trắng và các màu;
- Giấy A0 và bút dạ nhiều màu.

**CÂU HỎI THẢO LUẬN**

**Câu 1.** Căn cứ vào tình hình thực tế quản lí trường học và Chuẩn Hiệu trưởng, Thầy/Cô phân tích những yêu cầu năng lực cần thiết đối với Hiệu trưởng trong chỉ đạo đánh giá kết quả học tập của học sinh.

**Câu 2.** Thầy /Cô nêu một tình huống khó giải quyết trong chỉ đạo đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường THCS?

**Tiến trình:**

1. Giảng viên nêu câu hỏi 1 và gợi ý để các nhóm thảo luận chung;
2. Các nhóm trình bày trên giấy A0 theo hình thức sơ đồ hóa hoặc bản đồ tư duy;
3. Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm;
4. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung;
5. Giảng viên giúp các nhóm hoàn thiện phần trình bày và chiếu kết luận trên slide.

**Đánh giá:**

- Dựa trên kết quả làm việc của cá nhân và các nhóm;
- Xem xét ý kiến của học viên khi nhận xét và trao đổi kết quả làm việc của nhóm khác.

**Lưu ý:** Có thể sử dụng phương pháp đóng vai, ứng xử tình huống để chia sẻ câu hỏi 2 (xem Phiếu học tập cho Hoạt động 11).

## Hoạt động 12 — Xác định quy trình xây dựng và cấu trúc kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh

**Thời gian:** Thời gian: 90 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 12, học viên có thể:

- Thống nhất được các bước xây dựng kế hoạch và cấu trúc chung bản Kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- Thực hành xây dựng được Kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường THCS.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 62 – 66;
- Câu hỏi thảo luận;
- Giấy A4, A0 và bút viết, bút dạ.

**CÂU HỎI THẢO LUẬN**

**Câu 1.** Từ thực tế chỉ đạo ở trường THCS Thầy/ Cô xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả học tập theo mấy bước? Nêu cụ thể mỗi bước?

**Câu 2.** Thầy/ Cô thường trình bày kế hoạch đánh giá kết quả học tập theo mấy phần? Nội dung cụ thể của từng phần?

**Tiến trình:**

1. Giảng viên chia nhóm 6 – 8 học viên, các nhóm thảo luận chung, lựa chọn ý kiến tiêu biểu;
2. Các nhóm trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0;
3. Đại diện các nhóm báo cáo kết quả;
4. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung;
5. Giảng viên giúp các nhóm hoàn thiện phần trình bày. Chiếu kết luận trên slide.

**Đánh giá:**

- Dựa trên kết quả làm việc của cá nhân, các nhóm;
- Xem xét ý kiến của học viên khi nhận xét và trao đổi kết quả làm việc của nhóm khác.

**Lưu ý:** Có thể sử dụng đưa ra một số mẫu thiết kế Kế hoạch đánh giá kết quả học tập ở một số Tỉnh, Trường đã làm để các học viên cùng nhau chia sẻ, tham khảo.

## Tổ chức bộ máy thực hiện kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh

**Hoạt động 13**

**Thời gian:** Thời gian: 90 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 13, học viên có thể:

- Kể tên được các thành phần tham gia Ban quản lí đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường THCS;
- Phân tích được nhiệm vụ của từng thành viên trong Ban quản lí đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- Vận dụng ứng xử được một số tình huống cụ thể thuộc nhiệm vụ của Ban quản lí đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường THCS.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 67 – 70;
- Câu hỏi thảo luận;
- Giấy A4: trắng và các màu;
- Giấy A0 và bút dạ các màu.

**CÂU HỎI THẢO LUẬN**

**Câu 1.** Từ thực tế chỉ đạo ở trường THCS Thầy/Cô thường cơ cấu vào Ban quản lý đánh giá kết quả học tập những thành viên nào? Nhiệm vụ của mỗi thành viên là gì?

**Câu 2.** Ban quản lý thường gặp những khó khăn thuận lợi gì khi thực hiện Kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh

**Tiến trình:**

1. Giảng viên chia nhóm 6 – 8 học viên, các nhóm thảo luận chung, lựa chọn ý kiến tiêu biểu;
2. Các nhóm trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 theo "Cây nhân quả": THÂN, RỄ: ghi thành phần. CÀNH, HOA, LÁ: ghi nhiệm vụ;
3. Đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc nhóm;
4. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung;
5. Giảng viên giúp các nhóm hoàn thiện phần trình bày và chiếu kết luận trên slide.

**Đánh giá:** Dựa trên kết quả làm việc của cá nhân, các nhóm và ý kiến của học viên khi nhận xét và trao đổi kết quả làm việc của nhóm khác.

**Lưu ý:** Có thể sử dụng phương pháp đóng vai, ứng xử tình huống thực tế (xem Phiếu học tập cho Hoạt động 13).

## Hoạt động 14 — Chỉ đạo thực hiện kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh

**Thời gian:** Thời gian: 90 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 14, học viên có thể:

- Kể tên được các thành phần cơ bản cần chỉ đạo trực tiếp nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường THCS;
- Phân tích được nội dung chỉ đạo cụ thể đối với mỗi thành phần tham gia đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- Vận dụng ứng xử được một số tình huống thực tế trong chỉ đạo đánh giá kết quả học tập của học sinh.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 71 – 77;
- Câu hỏi thảo luận;
- Giấy A4: trắng và các màu;
- Giấy A0 và bút dạ các màu.

**CÂU HỎI THẢO LUẬN**

**Câu 1.** Từ thực tế quản lí ở trường THCS Thầy/ Cô chỉ đạo những đối tượng (cá nhân và tập thể) nào để thực hiện hiệu quả hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh.

**Câu 2.** Phân tích nội dung chỉ đạo đối với từng đối tượng tham gia đánh giá kết quả học tập của học sinh trong nhà trường.

**Tiến trình:**

1. Giảng viên chia nhóm 6 – 8 học viên;
2. Các nhóm thảo luận và trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 theo phương pháp "khăn trải bàn";
3. Đại diện các nhóm báo cáo kết quả;
4. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung;
5. Giảng viên giúp các nhóm hoàn thiện phần trình bày và chiếu kết luận trên slide.

**Đánh giá:**

- Dựa trên kết quả làm việc của cá nhân, các nhóm.
- Xem xét ý kiến của học viên khi nhận xét và trao đổi kết quả làm việc của nhóm khác.

**Lưu ý:** Có thể sử dụng phương pháp đóng vai, ứng xử tình huống thực tế (xem Phiếu học tập cho Hoạt động 14).

## Kiểm tra, giám sát, điều chỉnh, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh

**Hoạt động 15**

**Thời gian:** Thời gian: 90 phút

**Mục tiêu:** Sau khi hoàn thành Hoạt động 15, học viên có thể:

- Kể tên được các nội dung chính cần kiểm tra, giám sát, điều chỉnh, đánh giá thực hiện hiệu quả kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường THCS;
- Phân tích được nội dung, ý nghĩa của quá trình điều chỉnh, tự điều chỉnh kế hoạch đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- Vận dụng ứng xử được một số tình huống thực tế trong kiểm tra, giám sát, điều chỉnh và đánh giá việc đánh giá kết quả học tập của học sinh.

**Học liệu:**

- Tài liệu tập huấn trang 78 – 80;
- Câu hỏi thảo luận;
- Giấy A4: trắng và các màu;
- Giấy A0 và bút dạ các màu.

**CÂU HỎI THẢO LUẬN**

**Câu 1.** Từ thực tế quản lí ở trường THCS Thầy/Cô cần giám sát, điều chỉnh những hoạt động nào trong quá trình đánh giá kết quả học tập của học sinh?

**Câu 2.** Những khó khăn nào thường gặp khi thực hiện giám sát, điều chỉnh, đánh giá giáo viên thực hiện kế hoạch đánh giá kết quả học tập?

**Tiến trình:**

1. Giảng viên chia nhóm 6 – 8 học viên;
2. Các nhóm thảo luận và trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0;
3. Đại diện các nhóm báo cáo kết quả;
4. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung;
5. Giảng viên giúp các nhóm hoàn thiện phần trình bày và chiếu kết luận trên slide.

**Đánh giá:**

- Dựa trên kết quả làm việc của cá nhân, các nhóm;
- Xem xét ý kiến của học viên khi nhận xét và trao đổi kết quả làm việc của nhóm khác.

**Lưu ý:** Có thể sử dụng phương pháp đóng vai, ứng xử tình huống thực tế (xem Phiếu học tập cho Hoạt động 15).

# PHẦN 2: TÀI LIỆU HỖ TRỢ TẬP HUẤN

# A. MỘT SỐ VẤN ĐỀ Hiệu trưởng CẦN BIẾT VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRONG BỐI CẢNH TIẾP CẬN NĂNG LỰC

## MỤC TIÊU

Sau khi học xong phần này, học viên:

- Hệ thống được một số khái niệm liên quan đến đánh giá;
- Nêu được quan niệm về năng lực và đánh giá theo năng lực;
- Trình bày được những điểm khác giữa đánh giá theo năng lực và đánh giá theo kiến thức, kĩ năng;
- Đánh giá thực tiễn việc triển khai một số loại hình đánh giá ở địa phương;
- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn khi áp dụng những công cụ đánh giá mới;

## I. TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ

### 1. Một số khái niệm công cụ

#### *1.1. Đánh giá*

Hiện nay, có nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm "đánh giá" và được xét trên những góc độ rộng, hẹp khác nhau: đánh giá nói chung, đánh giá trong giáo dục, đánh giá trong dạy học và đánh giá kết quả học tập.

Với ***đánh giá nói chung***, có thể kể ra một số định nghĩa sau:

– Theo quan niệm của triết học, đánh giá là *xác định những giá trị của những hiện tượng xã hội, hoạt động hành vi của con người tương xứng với những nguyên tắc và chuẩn mực nhất định, từ đó bộc lộ một thái độ.* Nó có tính động cơ, phương tiện và mục đích hành động.

– Theo bảng thuật ngữ đối chiếu Anh – Việt: *"Đánh giá là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả công việc, dựa vào những thông tin thu được, đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra, nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, điều chỉnh nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc".*

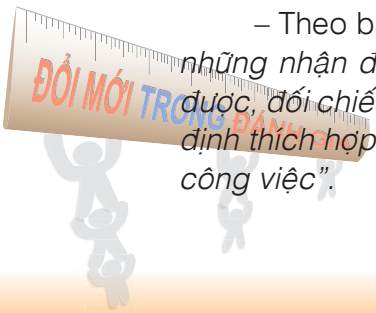

– Theo K. Ulbrich: *"Đánh giá là hệ thống hoạt động nhằm thu thập số liệu, sản phẩm, báo cáo có giá trị thực về sự hiểu biết và nắm vững những mục tiêu đã đề ra".*

– Theo C.E. Beeby: *"Đánh giá là sự thu thập và lí giải một cách có hệ thống những bằng chứng dẫn tới sự phán xét về giá trị theo quan điểm hành động".*

– Theo Jean – Marie De Ketele (1989), đánh giá có nghĩa là *"thu thập một tập hợp thông tin đủ thích hợp, có giá trị và đánh tin cậy và xem xét mức độ phù hợp giữa tập hợp thông tin này và một tập hợp tiêu chí phù hợp với các mục tiêu định ra ban đầu hay đã được điều chỉnh trong quá trình thu thập thông tin nhằm ra một quyết định".*

***Trong giáo dục***, đánh giá được các nhà nghiên cứu định nghĩa như sau:

*– Đánh giá trong giáo dục xuất hiện khi có một người tương tác trực tiếp hay gián tiếp với người khác nhằm mục đích thu thập và lí giải thông tin về kiến thức, hiểu biết, kĩ năng và thái độ của người đó*[1].

– Theo Ralph Tyler, nhà giáo dục và tâm lí học Mĩ: *"Quá trình đánh giá chủ yếu là quá trình xác định mức độ thực hiện các mục tiêu trong các chương trình giáo dục".*

– Xét từ bình diện chức năng, mục đích cũng như đối tượng, *"đánh giá trong giáo dục là quá trình thu thập và lí giải kịp thời, có hệ thống các thông tin về hiện trạng, khả năng hay nguyên nhân về chất lượng và hiệu quả giáo dục căn cứ vào mục tiêu giáo dục, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện những chủ trương, biện pháp và hành động giáo dục tiếp theo"*[2].

***Trong dạy học***, đánh giá được xem xét như một quá trình liên tục và là một phần của hoạt động giảng dạy. Chẳng hạn:

– Theo R.F. Marger: *"Đánh giá là việc miêu tả tình hình của học sinh và giáo viên để dự đoán công việc phải tiếp tục và giúp học sinh tiến bộ".*

## 1.2. Kết quả học tập

Kết quả học tập (result), hay thành tích học tập (achievement) hoặc thành quả học tập là một thuật ngữ chưa được thống nhất về cách gọi nhưng được hiểu theo nghĩa giống nhau. Thông thường, khái niệm này được hiểu theo hai nghĩa sau:

(a) Đó là mức độ thành tích mà một học sinh đạt được xem xét trong mối quan hệ với công sức, thời gian đã bỏ ra và với mục tiêu giáo dục. Theo quan niệm này thì kết quả học tập là mức thực hiện tiêu chí (criterion).

(b) Đó còn là mức độ thành tích đã đạt được của một học sinh so với các bạn cùng học. Theo quan niệm này thì kết quả học tập là mức thực hiện chuẩn (norm).



1. David Dean, ***Những phát triển quốc tế trong thực tiễn đánh giá học sinh***, Tài liệu Hội thảo đánh giá học sinh, Dự án Hỗ trợ Bộ GD&ĐT, Hà Nội – tháng 7/ 2002.

2. Dự án Phát triển Giáo dục Trung học cơ sở, ***Một số vấn đề chung về đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông***, Hà Nội 2006.

Dù hiểu theo nghĩa nào thì kết quả học tập đều thể hiện ở mức độ đạt được các mục tiêu dạy học. Trong đó, bao gồm ba mục tiêu lớn là kiến thức, kĩ năng và thái độ[3].

Do vậy, kết quả học tập là mức độ thành công trong học tập của học sinh, được xem xét trong mối quan hệ với mục tiêu đã xác định, chuẩn tối thiểu cần đạt và công sức, thời gian bỏ ra. Hay nói cách khác, ***kết quả học tập*** là mức thực hiện các tiêu chí và các chuẩn mực theo mục tiêu học tập đã xác định.

### 1.3. Đánh giá kết quả học tập

– Hiện nay, khái niệm về đánh giá kết quả học tập của học sinh đã được các chuyên gia giáo dục trên thế giới thống nhất cách hiểu như sau: "Đánh giá kết quả học tập của học sinh là một quá trình thu thập, phân tích và xử lí các thông tin về kiến thức, kĩ năng, thái độ của học sinh theo mục tiêu môn học (hoặc hoạt động) nhằm đề xuất các giải pháp để thực hiện mục tiêu của môn học (hoặc hoạt động) đó"[4].

Thành phần của đánh giá:

Theo Batenson (1990), đánh giá bao gồm các thành phần sau:

Sự đo đạc + Xét đoán + Ra quyết định = Đánh giá.

Trong đó:

– Sự đo đạc: Thu thập các số liệu một cách có hệ thống.

– Xét đoán: Làm sáng tỏ các số liệu thu được.

– Ra quyết định: Những hành động dẫn đến việc thay đổi, sửa chữa hoặc cải tiến,...

– Đánh giá: Quá trình đưa ra những quyết định trên cơ sở làm sáng tỏ số liệu thu thập được một cách có hệ thống để xét đoán giá trị.

### 1.4. Chuẩn kiến thức, kĩ năng *(trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành 5/2006)*

– Chuẩn kiến thức, kĩ năng là các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kĩ năng của môn học, hoạt động giáo dục mà học sinh cần phải và có thể đạt được sau từng giai đoạn học tập. Mỗi cấp học có chuẩn kiến thức, kĩ năng và yêu cầu về thái độ mà học sinh cần phải đạt được.

– Chuẩn kiến thức, kĩ năng là căn cứ để biên soạn sách giáo khoa, quản lí dạy học, đánh giá kết quả giáo dục ở từng môn học, hoạt động giáo dục nhằm đảm bảo tính thống nhất, tính khả thi của chương trình giáo dục phổ thông; bảo đảm chất lượng và hiệu quả của quá trình giáo dục.



ĐỔI MỚI TRONG ĐÁNH GIÁ

3. Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, Tài liệu bồi dưỡng "Năng lực biên soạn đề kiểm tra", Hà Nội, 2004.

4. Nguyễn Thị Hạnh, ***Một số vấn đề về đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học, NXB Giáo dục***, Hà Nội, 2002.

## 2. Một số loại hình đánh giá giáo dục[5]

Việc phân loại đánh giá giáo dục được thực hiện dựa vào các tính chất như quy mô, vị trí của người đánh giá, tính chất thường xuyên hay thời điểm hoặc mục tiêu... Đánh giá giáo dục có một số loại hình chính sau:

- Đánh giá quá trình (formative) và đánh giá tổng kết (summative);
- Đánh giá cá nhân (individual) và đánh giá cơ sở giáo dục (institutional);
- Đánh giá khách quan (objective) và đánh giá chủ quan (subjective);
- Đánh giá chính thức (formal) và đánh giá không chính thức (informal);
- Đánh giá trong (internal) và đánh giá ngoài (external);
- Đánh giá dựa theo tiêu chí (criterion – referenced assessment) và đánh giá dựa theo chuẩn mực (norm – referenced assessment);
- Đánh giá trên lớp học (classroom – assessment), đánh giá dựa vào nhà trường (school – based assessment) và đánh giá trên diện rộng (large – scale assessment).

### 2.1. Đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết

Xét theo tính liên tục và thời điểm đánh giá thì đánh giá giáo dục thường được chia thành các loại là *đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết*.

– *Đánh giá tổng kết* là đánh giá ở mức cao nhất cung cấp thông tin về sự tinh thông của học sinh về các mặt nội dung kiến thức, kĩ năng và thái độ sau một khóa/lớp học hoặc một dự án. Đánh giá tổng kết thường được thực hiện vào cuối một khóa/lớp học hoặc một dự án và được sử dụng để công nhận học sinh đã hoặc không hoàn thành khóa/lớp học.

– *Đánh giá quá trình* là đánh giá cung cấp phản hồi cho giáo viên nhằm mục tiêu cải thiện hoạt động hướng dẫn, giảng dạy. Đánh giá quá trình được thực hiện trong suốt một quá trình của khóa/lớp học hoặc của một dự án. Đánh giá quá trình có thể do giáo viên hoặc đồng nghiệp hay người học, cung cấp thông tin phản hồi về công việc của học sinh và không nhất thiết được sử dụng cho mục đích phân loại. Trong đánh giá quá trình, việc thu thập thông tin hoặc dữ liệu về hoạt động học tập của học sinh trong khóa/lớp hay chương trình được sử dụng để cải thiện hoạt động dạy và hoạt động học. Đánh giá quá trình không nhằm mục đích đưa ra kết luận về kết quả giáo dục cuối cùng của từng học sinh mà tập trung vào việc tìm ra những nhân tố tác động đến kết quả giáo dục của học sinh để có những giải pháp kịp thời, đúng lúc, giúp cải thiện, nâng cao chất lượng giáo dục, dạy học.

Đánh giá quá trình còn giúp chẩn đoán hoặc đo kiến thức và kĩ năng hiện tại của học sinh nhằm xác định một chương trình học tương lai cho phù hợp.

*5. Nguyễn Lan Phương (chủ biên), Đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông – Một số vấn đề lí luận và thực tiễn, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2011.*

### 2.2. Đánh giá cá nhân và đánh giá cơ sở giáo dục

– *Đánh giá cá nhân* là đánh giá sử dụng cá nhân học sinh và hoạt động học tập của cá nhân đó như một mức để phân tích. Đánh giá cá nhân có thể là về số lượng, chất lượng, quá trình hoặc tổng kết, dựa trên chuẩn hoặc giá trị và thường xem xét sự tiến bộ của một học sinh cụ thể. Thành tích về điểm kiểm tra của học sinh, sự tiến bộ trong học tập về kiến thức, kĩ năng và thái độ của học sinh trong khóa học đều là đối tượng của đánh giá cá nhân.

– *Đánh giá cơ sở giáo dục* là đánh giá trong đó sử dụng chính cơ sở giáo dục như là một mức để phân tích. Tương tự như đánh giá cá nhân, đánh giá cơ sở giáo dục có thể về số lượng hoặc chất lượng, quá trình hoặc tổng kết, dựa trên chuẩn hoặc giá trị và đánh giá về sự phát triển, hoàn thiện hoặc về trách nhiệm của cơ sở giáo dục. Lí tưởng nhất trong đánh giá về cơ sở giáo dục là khi tất cả các mục đích và mục tiêu lớn của cơ sở đó đều là đối tượng trong đánh giá.

### 2.3. Đánh giá khách quan và đánh giá chủ quan

– *Đánh giá khách quan là* hình thức đánh giá dựa vào các công cụ đánh giá được chuẩn bị trước để đưa ra những kết luận về chất lượng của cái cần được đánh giá. Trong đánh giá kết quả học tập, hình thức phổ biến nhất là thông qua đề kiểm tra, phiếu học tập,... để nhận xét mức độ đạt kiến thức, kĩ năng, thái độ của người học so với mục tiêu giáo dục đề ra. Ở đó, các bộ công cụ sử dụng dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan như đúng/sai, nhiều sự lựa chọn, ghép đôi, điền khuyết... Đánh giá khách quan thích hợp với hình thức đánh giá ngày càng phổ biến là trên máy vi tính, hoặc trực tuyến.

– *Đánh giá chủ quan* là hình thức đánh giá chất lượng của cái cần đánh giá dựa theo ý kiến riêng của người đánh giá. Câu hỏi dùng cho hình thức đánh giá này có thể có nhiều hơn một câu trả lời đúng, hoặc nhiều hơn một cách thể hiện câu trả lời chính xác. Các dạng câu hỏi chủ quan bao gồm câu hỏi đóng, câu hỏi mở, bài tập lớn, bài luận...

### 2.4. Đánh giá chính thức và đánh giá không chính thức

– *Đánh giá chính thức* là đánh giá có những dữ liệu nhằm đưa ra kết luận khi thực hiện kiểm tra. Đánh giá chính thức thường liên quan các dạng kiểm tra (test) được dùng như thước đo chuẩn hóa. Những thước đo này được thử trước trên học sinh và dữ liệu sẽ được tính toán, thống kê, tổng kết nhằm đưa ra kết luận về học sinh so với các chuẩn cần đạt về độ tuổi hay lớp học và trong sự so sánh với các bạn cùng độ tuổi hay lớp học. Đánh giá chính thức thường được tiến hành thông qua hình thức viết và sau khi thực hiện sẽ đưa ra các điểm số hoặc thứ tự xếp hạng trên cơ sở thực hiện các bài kiểm tra học sinh. Đánh giá chính thức có nhiều mục tiêu gần với đánh giá tổng kết.

– *Đánh giá không chính thức* nhằm mục đích chính là xem xét, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ học tập hàng ngày của học sinh, thông qua nhiều hình thức quan sát, thảo luận, xem xét hồ sơ học tập, cách thực hiện của học sinh, sự tham gia các hoạt động, quan hệ, sự hợp tác với bạn bè, tự đánh giá...

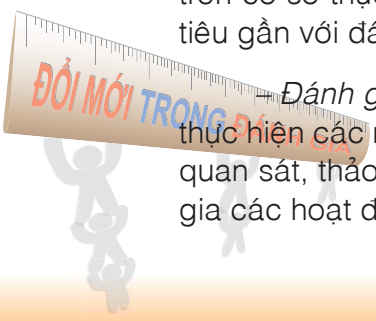

Đánh giá không chính thức thường chú trọng đến nhận xét định tính hơn là định lượng về sự tiến bộ trong học tập của học sinh. Như vậy, đánh giá không chính thức có mục tiêu gần với đánh giá quá trình, đó là cải thiện, điều chỉnh hoạt động học tập chứ không chú trọng vào việc phân loại, xếp hạng học lực của học sinh.

### 2.5. Đánh giá trong và đánh giá ngoài

– *Đánh giá trong* được thực hiện bởi cơ sở giáo dục và do CBQL nhà trường, các phòng ban trong trường hay giáo viên thực hiện. Đánh giá trong lớp được giáo viên thiết kế, chọn lựa và sử dụng để đưa ra điểm số cũng như thông tin phản hồi phù hợp với nhu cầu cải thiện kết quả giáo dục của học sinh. Bên cạnh đó, đánh giá trong còn được sử dụng để đưa ra các kết luận và chỉ dẫn hoặc báo cáo về sự tiến bộ của học sinh cho phụ huynh. Đánh giá trong được thực hiện thường xuyên trong trường/lớp học và chủ yếu gắn với chương trình giáo dục, với những hoạt động thường ngày trong lớp học như: ngôn ngữ nói hàng ngày của học sinh, nghe hiểu, hỏi đáp trong giờ học nhóm hoặc đánh giá thông qua quan sát của giáo viên. Một số đánh giá trong được thực hiện thông qua các bài kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra viết, báo tường và một số cách kiểm tra khác nhau nhưng đều do giáo viên kiểm soát và gắn liền với chương trình giáo dục.

– *Đánh giá ngoài* được người/nhóm người ở bên ngoài cơ sở giáo dục, hoặc các nhà quản lí giáo dục cấp trên, các nhà xây dựng chính sách giáo dục thực hiện. Với đánh giá bên ngoài, học sinh thường chỉ nhận được điểm số mà không biết họ đã làm bài kiểm tra thật sự thế nào (những câu hỏi nào đúng, câu nào chưa đúng, những suy luận sai lệch,...).

Đánh giá ngoài ít được thực hiện so với đánh giá trong nhưng nó có tầm quan trọng, sức nặng cũng như tính pháp lí cao hơn rất nhiều vì nó được sử dụng như là các tiêu chí cho kết luận về cả thành tích của học sinh và chất lượng giáo dục của nhà trường.

### 2.6. Đánh giá dựa theo tiêu chí và đánh giá dựa theo chuẩn mực

– Trong những năm gần đây, loại hình *đánh giá dựa theo tiêu chí* được sử dụng ngày càng tăng. Trong đánh giá dựa trên tiêu chí, hoạt động học tập của học sinh được so sánh với mục tiêu học tập cố định, ở đó xác định rõ ràng những gì học sinh cần biết, cần hiểu và có thể làm. Các tiêu chí (mục tiêu) là cơ sở đánh giá thành công và tiến bộ trong học tập của học sinh. Các tiêu chí xác định rõ các yêu cầu cơ bản hay sản phẩm cần đạt được trong quá trình học tập. Bộ công cụ dùng để đánh giá dựa trên tiêu chí chính là test dựa theo tiêu chí, hay còn gọi là test dựa trên lĩnh vực, test năng lực, test kĩ năng cơ bản.

*Đánh giá dựa theo chuẩn mực* là so sánh thành tích của các đối tượng được đánh giá với nhau. Có hai hình thức so sánh: 1) So sánh thành tích tương đối của cá nhân này với cá nhân khác trong nhóm cụ thể, ví dụ so sánh kết quả các thí sinh cùng tham gia tuyển sinh vào một trường đại học hoặc cao đẳng; 2) So sánh thành tích cá nhân trong tương quan nhóm đại diện, ví dụ so sánh kết quả của một học

sinh với điểm trung bình nhóm chọn đại diện. Vì vậy, đánh giá dựa theo chuẩn có hai đặc trưng: 1) Công cụ đánh giá là bộ test chuẩn hóa – có khả năng suy rộng cho tổng thể; 2) Bộ test càng phân biệt một cách hiệu quả những học sinh với các năng lực khác nhau thì kết quả so sánh càng chính xác.

### 2.7. Đánh giá trên lớp học, đánh giá dựa vào nhà trường, đánh giá trên diện rộng

Căn cứ vào phạm vi đối tượng đánh giá (học sinh), có thể phân chia hệ thống đánh giá giáo dục phổ thông thành 3 loại: *đánh giá trên lớp học, đánh giá dựa vào nhà trường, và đánh giá trên diện rộng*.

– *Đánh giá trên lớp học* là loại hình đánh giá được giáo viên tiến hành trong phạm vi đối tượng là học sinh trong một lớp học, nhằm thu thập thông tin về việc đạt các mục tiêu về kiến thức, kĩ năng qua từng bài học, hàng ngày, hàng tháng,... để tìm hiểu xem học sinh đã học thế nào, học được bao nhiêu, và các em có phản ứng thế nào đối với hướng tiếp cận giảng dạy của giáo viên. Từ đó, giáo viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy, hoạt động học tập để nâng cao kết quả học tập cho mỗi học sinh. Các loại công cụ để đánh giá trên lớp học hết sức đa dạng, đó là câu hỏi phát vấn trên lớp, hệ thống bài tập ở lớp, bài tập ở nhà, mẫu biểu quan sát, đề kiểm tra thường xuyên và định kì, hồ sơ học tập, bài luận, các dự án học tập, các nhiệm vụ thực tiễn,...

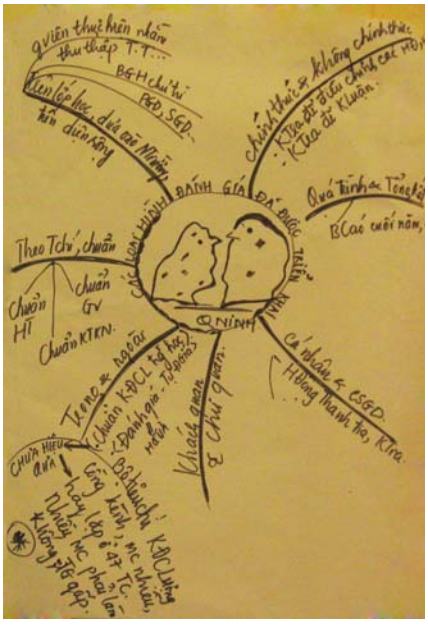

– *Đánh giá dựa vào nhà trường* là loại hình đánh giá được Ban giám hiệu chủ trì và tiến hành trong phạm vi đối tượng là tất cả học sinh trong nhà trường. Loại hình đánh giá này không chỉ quan tâm đến kết quả bài kiểm tra, mà còn quan tâm đến thành tích của học sinh trong suốt cả năm học và sự phát triển nhân cách cá nhân. Một số phẩm chất cần thiết sẽ được chú trọng như khả năng thuyết trình, khả năng lãnh đạo, sự khoan dung, thái độ hợp tác, hành vi học, các kĩ năng hoạt động ngoại khóa, kĩ năng hợp tác, và các giá trị xã hội nhân bản khác. Tuy nhiên, đánh giá nhà trường hiện chưa thực sự được nhiều giáo viên hưởng ứng bởi họ đã quen với những phương pháp đánh giá truyền thống, ngại thay đổi sang phương pháp mới.

– *Đánh giá trên diện rộng* là đánh giá kết quả học tập của học sinh ở cấp quận/huyện, tỉnh/thành, vùng lãnh thổ, quốc gia, hoặc trên quốc tế.

Ngày càng nhiều Chính phủ tiến hành đánh giá chất lượng học tập cấp quốc gia và tham gia các nghiên cứu trong khu vực và quốc tế. Tại Việt Nam, cuộc đánh giá cấp quốc gia đầu tiên là *Khảo sát kết quả học tập Toán, Tiếng Việt lớp 5 năm 2001*. Sau đó, chúng ta đã hoàn thành ba cuộc đánh giá cấp quốc gia: Khảo sát kết



ĐỔI MỚI TRONG ĐÁNH GIÁ

quả học tập Toán, Tiếng Việt lớp 5 năm 2007; *Khảo sát kết quả học tập Toán, Ngữ văn lớp 6 năm 2009; và Khảo sát kết quả học tập Toán, Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh lớp 9 năm 2009.* Năm 2011, đã có 2 cuộc đánh giá cấp quốc gia được thực hiện: *Khảo sát kết quả học tập Toán, Tiếng Việt lớp 5; Khảo sát kết quả học tập Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh lớp 11.* Năm 2012, Việt Nam tham gia *Chương trình đánh giá học sinh quốc tế PISA (Programme for International Student Assessment).*

## 3. Một số quy định trong *Thông tư số: 58/2011/TT–BGD&ĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011* ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và THPT

### 3.1. Hình thức đánh giá

a. Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập (sau đây gọi là đánh giá bằng nhận xét) đối với các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục.

Căn cứ chuẩn kiến thức, kĩ năng môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả các bài kiểm tra theo hai mức:

- Đạt yêu cầu (Đ): Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:
  + Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;
  + Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;
- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Các trường hợp còn lại.

b. Kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập đối với môn Giáo dục công dân:

- Đánh giá bằng cho điểm kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ đối với từng chủ đề thuộc môn Giáo dục công dân quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;
- Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của học sinh theo nội dung môn Giáo dục công dân quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong mỗi học kì, cả năm học.

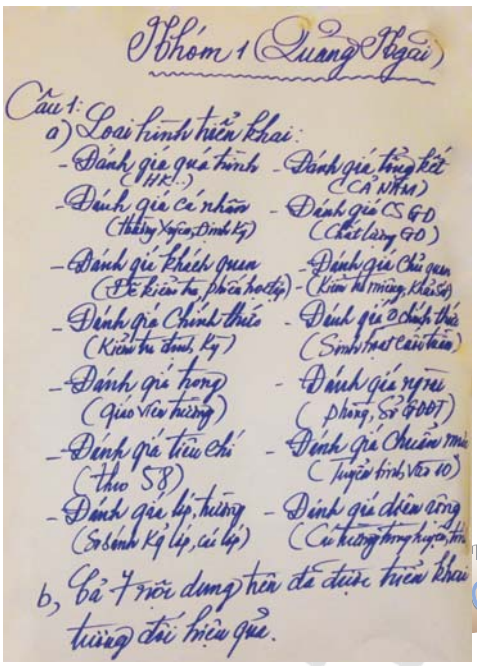

Kết quả nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống của học sinh không ghi vào sổ gọi tên và ghi điểm, mà được giáo viên môn Giáo dục công dân theo dõi, đánh giá, ghi trong học bạ và phối hợp với giáo viên chủ nhiệm sau mỗi học kì tham khảo khi xếp loại hạnh kiểm.

c. Đánh giá bằng cho điểm đối với các môn học còn lại.

d. Các bài kiểm tra được cho điểm theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10; nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm này.

### 3.2. Hình thức kiểm tra, các loại bài kiểm tra, hệ số điểm bài kiểm tra

– Hình thức kiểm tra: Kiểm tra miệng (kiểm tra bằng hỏi – đáp), kiểm tra viết, kiểm tra thực hành.

– Các loại bài kiểm tra:

a. Kiểm tra thường xuyên ($KT_{tx}$) gồm: Kiểm tra miệng; kiểm tra viết dưới 1 tiết; kiểm tra thực hành dưới 1 tiết;

b. Kiểm tra định kì ($KT_{dk}$) gồm: Kiểm tra viết từ 1 tiết trở lên; kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên; kiểm tra học kì ($KT_{hk}$).

### 3.3. Hệ số điểm các loại bài kiểm tra

a. Đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm: Điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra viết và kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên tính hệ số 2, điểm kiểm tra học kì tính hệ số 3.

b. Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét: Kết quả nhận xét của các bài kiểm tra đều tính một lần khi xếp loại môn học sau mỗi học kì.



## II. ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRONG BỐI CẢNH TIẾP CẬN NĂNG LỰC

### 1. Những điểm mới về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Trong giáo dục, đánh giá đang có những bước phát triển mới:

✓ Chuyển từ tập trung đánh giá cuối môn học, khóa học sang sử dụng ngày càng nhiều các hình thức đánh giá định kì sau từng phần, từng chương;

✓ Chuyển từ đánh giá kiến thức, kĩ năng sang đánh giá năng lực của người học;

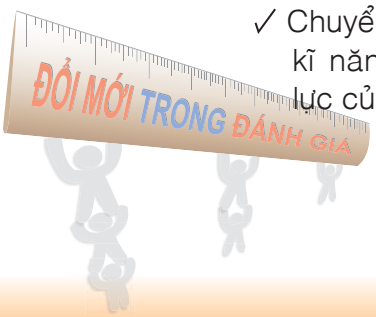


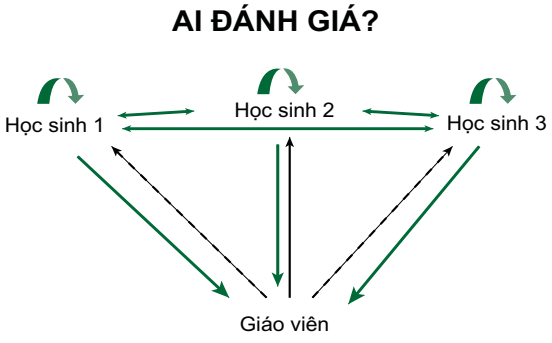


*Nguồn:* Mô đun Đánh giá Dạy học tích cực. Tài liệu tập huấn VVOB. Leen Pil, NXB ĐHQG Hà nội, 2011 tr.27

✓ Chuyển từ đánh giá một chiều, sang đánh giá đa chiều (tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau);

✓ Chuyển đánh giá từ một hoạt động độc lập với quá trình dạy học sang việc tích hợp đánh giá vào quá trình dạy học, xem đánh giá là một phương pháp dạy học;

✓ Sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra đánh giá.

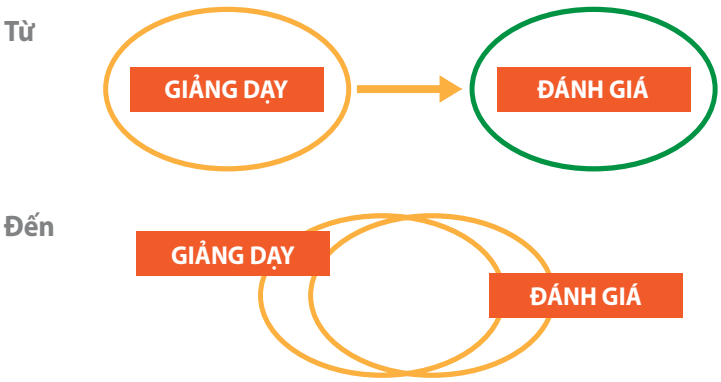


## 2. Chuyển từ đánh giá theo kiến thức, kĩ năng sang đánh giá theo năng lực của người học

### *2.1. Thế nào là năng lực?*

Ngày nay, khái niệm năng lực được hiểu theo nhiều nghĩa.

– Năng lực là một thuộc tính tâm lí phức hợp, là điểm hội tụ của nhiều yếu tố như tri thức, kĩ năng, kĩ xảo, kinh nghiệm, sự sẵn sàng hành động và trách nhiệm đạo đức.

– "Năng lực là những khả năng và kĩ xảo học được hoặc sẵn có của cá thể nhằm giải quyết các tình huống xác định, cũng như sự sẵn sàng về động cơ, xã hội ... và khả năng vận dụng các cách giải quyết vấn đề một cách có trách nhiệm và hiệu quả trong những tình huống linh hoạt" (Weinert 2001).

– "Năng lực là biết sử dụng các kiến thức và các kĩ năng trong một tình huống có ý nghĩa" (Rogiers, 1996).

– "Năng lực là một tập hợp các kiến thức, kĩ năng, thái độ phù hợp với một hoạt động thực tiễn" (Barnett, 1992).

– "Năng lực là khả năng đáp ứng thích hợp và đầy đủ các yêu cầu của một lĩnh vực hoạt động" (Từ điển Webster's New 20th Century, 1965).

– Trong bối cảnh phát triển chương trình giáo dục phổ thông, "Năng lực là sự kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức kiến thức, kĩ năng với thái độ, tình cảm, giá trị, động cơ cá nhân,... nhằm đáp ứng hiệu quả một yêu cầu phức hợp của hoạt động trong bối cảnh nhất định" *(Theo quan niệm trong Chương trình giáo dục phổ thông của Quebec – Canada).*

Như vậy, năng lực là thuộc tính phức hợp của cá nhân có bản chất sinh học, tâm lí và xã hội cho phép cá nhân thực hiện thành công hoạt động hay nhiệm vụ



ĐỔI MỚI TRONG ĐÁNH GIÁ

nhất định đạt tiêu chuẩn hay yêu cầu đã định. Nó là chất mới so với kiến thức, kĩ năng và thái độ. Chỉ có ba thứ này thì chưa có năng lực. Cả ba thứ này phải trải qua hoạt động, rèn luyện, trải nghiệm cá nhân mới phát triển thành năng lực nếu cá nhân có điều kiện cần thiết.

### Các dạng năng lực

• Theo lí thuyết của Gardner, có 8 dạng năng lực dựa vào 8 dạng trí tuệ. Tuy vậy, đó là khung năng lực quá chung và dễ gây nhầm lẫn năng lực với trí tuệ.

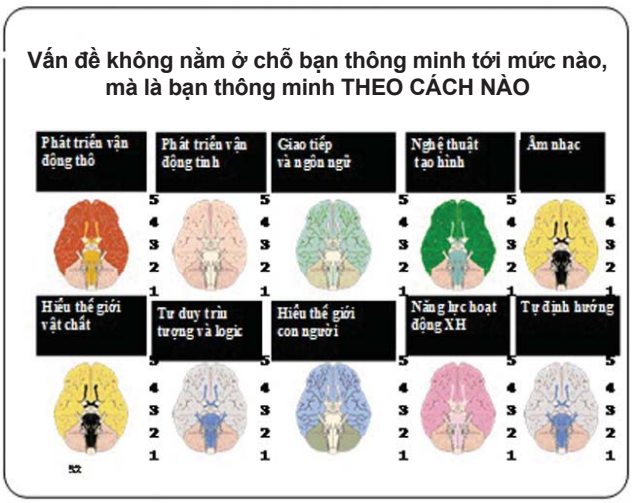


*Nguồn:* Mô đun Đánh giá Dạy học tích cực. Tài liệu tập huấn VVOB. Leen Pil, NXB ĐHQG Hà nội, 2011 tr.42

• Trong chương trình giáo dục phổ thông người ta có thể phân thành nhóm các năng lực chung (cần cho học tập nhiều môn học và được phát triển qua nhiều môn học) và nhóm các năng lực chuyên biệt môn học/ lĩnh vực học tập[6].

**Các năng lực chung cốt lõi:** (1) Năng lực tư duy (suy luận, phê phán, sáng tạo); (2) Tự học, học cách học; (3) Tự quản lí bản thân và phát triển bản thân; (4) Hợp tác; (5) Giao tiếp; (6) Tìm kiếm, tổ chức, xử lí thông tin; (7) Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, đặc biệt là những vấn đề thực tiễn,...

**Các năng lực chuyên biệt môn học/ lĩnh vực học tập:** (1) Tiếng Việt; (2) Tiếng nước ngoài; (3) Toán; (4) Khoa học tự nhiên, công nghệ; (5) Khoa học xã hội và nhân văn; (6) Thể chất; (7) Nghệ thuật.

## *2.2. Tại sao phải đánh giá năng lực?*

Đào tạo theo hướng phát triển những năng lực của người học đã và đang trở thành một xu thế tất yếu và phổ quát trong nền giáo dục trên thế giới. Xu hướng

*6. Báo cáo chuyên đề thuộc hội thảo "Hệ thống năng lực chung cốt lõi của học sinh phổ thông cho chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015".*

chung của chương trình hiện đại là chuyển từ "tập trung vào kiến thức" sang "tập trung vào năng lực". Việc chú trọng đến sự phát triển năng lực, kĩ năng sống cho học sinh trong khi thời lượng học tập ở nhà trường không tăng, đòi hỏi nhà trường phải giảm thời lượng dành cho truyền thụ kiến thức, tăng thời gian để người học hoạt động tự lực, sáng tạo, nhờ vậy giúp các em phát triển được các năng lực học tập và làm việc.

Để đánh giá năng lực của người học, cần đặc biệt nhấn mạnh đến đánh giá quá trình học. Việc đánh giá quá trình học kết hợp với đánh giá kết quả học sẽ đem đến cho giáo viên những thông tin phản hồi để điều chỉnh hoạt động dạy học.

### 2.3. Đánh giá theo năng lực khác gì với đánh giá theo kiến thức, kĩ năng

Theo quan điểm giáo dục hướng vào người học, đánh giá kết quả giáo dục phải hướng tới việc sau khi học, học sinh có thể áp dụng kiến thức, kĩ năng trong nhà trường vào cuộc sống, chứ không chỉ đánh giá từng đơn vị kiến thức, kĩ năng riêng rẽ. Do đó, cần có cách đánh giá khác. Đó là đánh giá theo năng lực. Đánh giá theo năng lực là đánh giá khả năng học sinh áp dụng các kiến thức, kĩ năng đã học được vào trong các tình huống thực tiễn của cuộc sống hàng ngày. Đánh giá theo năng lực còn có cách gọi khác là *đánh giá thực hiện*. Ở đây cần phân biệt rõ hơn hai thuật ngữ "học được" và "được học". "Được học" là đề cập tới những kiến thức, kĩ năng, thái độ mà nhà trường muốn cung cấp và hình thành cho học sinh (theo chương trình giáo dục) còn "học được" là tất cả những gì học sinh lĩnh hội được thông qua học tập trong nhà trường, gia đình và cộng đồng, xã hội.

> *"Không có mâu thuẫn giữa hai cách đánh giá, đánh giá năng lực và đánh giá kiến thức, kĩ năng, mà đánh giá năng lực được coi là bước phát triển cao hơn so với đánh giá kiến thức, kĩ năng".*

Xét về bản chất thì *không có mâu thuẫn giữa hai cách đánh giá, đánh giá năng lực và đánh giá kiến thức, kĩ năng, mà đánh giá năng lực được coi là bước phát triển cao hơn so với đánh giá kiến thức, kĩ năng*. Để chứng minh người học có năng lực ở một mức độ nào đó, phải tạo cơ hội để họ được giải quyết vấn đề trong tình huống, bối cảnh mang tính thực tiễn. Khi đó người học vừa phải vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã được học ở nhà trường, vừa phải dùng những kinh nghiệm của bản thân thu được từ những trải nghiệm bên ngoài nhà trường (trong gia đình, cộng đồng và xã hội). Như vậy thông qua việc hoàn thành một nhiệm vụ trong bối cảnh thực, người ta có thể đồng thời đánh giá được cả khả năng nhận thức, kĩ năng thực hiện và những giá trị, tình cảm của người học.

Mặt khác, đánh giá năng lực không hoàn toàn phải dựa vào chương trình giáo dục môn học như đánh giá kiến thức, kĩ năng, bởi năng lực là sự tổng hòa, kết tinh kiến thức, kĩ năng, thái độ, tình cảm, giá trị, chuẩn mực đạo đức,... được

hình thành từ nhiều lĩnh vực học tập và từ sự phát triển tự nhiên về mặt xã hội của một con người.

Thang đo trong đánh giá năng lực được quy chuẩn theo các mức độ phát triển năng lực của người học, chứ không quy chuẩn theo việc người đó có đạt hay không một nội dung đã được học. Do đó, đánh giá năng lực tập trung vào mục tiêu đánh giá sự tiến bộ của người học so với chính họ hơn là mục tiêu đánh giá, xếp hạng giữa các người học với nhau. Bên cạnh đó, học sinh cùng một độ tuổi, học cùng một chương trình giáo dục nhưng có thể đạt các mức độ năng lực rất khác nhau. Một bộ phận đạt mức độ năng lực thấp, bộ phận khác đạt năng lực phù hợp và số còn lại đạt mức cao so với độ tuổi. Trong nhiều trường hợp các mức độ năng lực của một học sinh so với độ tuổi cũng rất khác nhau. Ví dụ: Sau khi đánh giá thì năng lực của học sinh A, 12 tuổi có kết quả như sau: Năng lực chung đạt theo đúng độ tuổi; Năng lực tính toán đạt mức của học sinh ở độ tuổi 13; Năng lực đọc hiểu đạt mức độ của học sinh 11 tuổi.

Việc xây dựng các nhiệm vụ học tập để đánh giá năng lực phải đảm bảo bao quát được các mức độ năng lực từ thấp nhất đến cao nhất. Vì vậy, công cụ đánh giá năng lực thường là một hệ thống các nhiệm vụ từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp thuộc một lĩnh vực (thường bao hàm nhiều môn học) để đảm bảo đo lường được sự phát triển năng lực của mọi đối tượng. Tùy theo năng lực của mỗi học sinh mà giáo viên, nhà quản lí có thể chọn những nhiệm vụ phù hợp. Và bản thân học sinh cũng có thể sử dụng các công cụ này để tự đánh giá năng lực của mình, từ đó có hướng phấn đấu, rèn luyện để nâng cao khả năng.

Cách phân tích, xử lí kết quả của hai hình thức đánh giá này cũng có phần khác biệt. Trong đánh giá kiến thức, kĩ năng, học sinh càng đạt được nhiều đơn vị kiến thức, kĩ năng thì càng được coi là có năng lực cao hơn, tức là kết quả đánh giá phụ thuộc vào số lượng nhiệm vụ đã hoàn thành. Còn trong đánh giá năng lực, học sinh thực hiện được nhiệm vụ càng khó và phức tạp hơn sẽ được coi là có năng lực cao hơn, tức là kết quả đánh giá phụ thuộc vào độ khó của nhiệm vụ đã hoàn thành[7].

Bảng 1 tổng hợp một số dấu hiệu khác biệt cơ bản giữa đánh giá năng lực người học và đánh giá kiến thức, kĩ năng của người học.

***Bảng 1. So sánh đánh giá năng lực và đánh giá kiến thức, kĩ năng***

| Tiêu chí so sánh | Đánh giá năng lực | Đánh giá kiến thức, kĩ năng |
|---|---|---|
| 1. Mục đích chủ yếu nhất | Vì sự tiến bộ của người học so với chính mình | Xác định việc đạt kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục |
| 2. Ngữ cảnh đánh giá | – Gắn với ngữ cảnh học tập và thực tiễn cuộc sống của học sinh | – Gắn với nội dung học tập (những kiến thức, kĩ năng, thái độ) được học trong nhà trường |

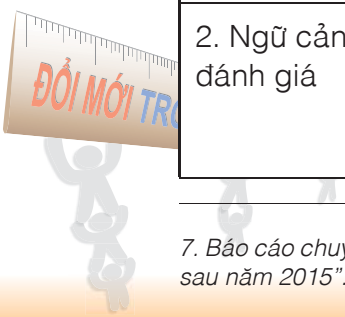


*7. Báo cáo chuyên đề thuộc hội thảo "Đánh giá kết quả giáo dục dựa theo chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015".*

| Tiêu chí so sánh | Đánh giá năng lực | Đánh giá kiến thức, kĩ năng |
|---|---|---|
| 3. Nội dung đánh giá | Những kiến thức, kĩ năng, thái độ ở nhiều môn học, nhiều hoạt động giáo dục và những trải nghiệm của bản thân học sinh trong cuộc sống xã hội (tập trung vào năng lực thực tế) | Những kiến thức, kĩ năng, thái độ ở một môn học cụ thể |
| 4. Công cụ đánh giá | Nhiệm vụ, bài tập trong tình huống bối cảnh thực | Câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ trong tình huống hàn lâm hoặc tình huống thực |
| 5. Thời điểm đánh giá | Đánh giá ở mọi thời điểm của quá trình dạy học, chú trọng đến đánh giá trong khi học | Thường diễn ra ở những thời điểm nhất định trong quá trình dạy học, đặc biệt là: trước và sau khi dạy |
| 6. Kết quả đánh giá | Năng lực người học phụ thuộc vào độ khó của nhiệm vụ hoặc bài tập đã hoàn thành | Năng lực người học phụ thuộc vào số lượng câu hỏi, nhiệm vụ hay bài tập đã hoàn thành |
| ..... | ..... | ..... |

## III. ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC

### 1. Quan niệm về đánh giá theo năng lực

Đánh giá năng lực của học sinh là quá trình thu thập chứng cứ, đưa ra nhận xét về khả năng và sự tiến bộ của học sinh hướng tới các yêu cầu đã được xác định. Đánh giá này dựa vào những kiến thức, kĩ năng và trải nghiệm thực tế mà một học sinh chứng tỏ được thông qua công việc/ nhiệm vụ. Có nghĩa là đánh giá năng lực là đánh giá kiến thức, kĩ năng và thái độ của người học trong một bối cảnh có ý nghĩa.

**ĐÁNH GIÁ DỰA TRÊN NĂNG LỰC**

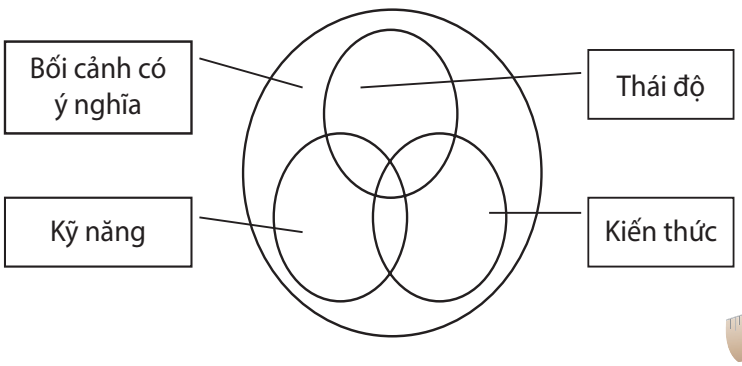


*Nguồn:* Trích dẫn từ Mô đun Đánh giá Dạy học tích cực. Tài liệu tập huấn VVOB. Leen Pil, NXB ĐHQG Hà nội, 2011

## 2. Chức năng của đánh giá

Để tối ưu hóa việc giảng dạy nhằm đảm bảo thúc đẩy học tập/phát triển người học, chúng ta phải nhìn nhận lại chức năng của đánh giá

→ *Đánh giá việc học/ đánh giá kết quả học tập* (assessment of learning): Hỗ trợ giáo viên cách sử dụng chứng cứ để xác nhận kết quả học tập của học sinh theo mục tiêu và chuẩn;

→ *Đánh giá vì việc học/ học tập* (assessment for learning): Cho phép giáo viên sử dụng thông tin về sự tiến bộ của học sinh để cải thiện hoạt động giảng dạy, phát triển năng lực của học sinh;

→ *Đánh giá như một quá trình học/ như là hoạt động học tập* (assessment as learning): Cho phép học sinh phản ánh và tự đánh giá sự tiến bộ của mình theo mục tiêu học tập.

## 3. Nguyên tắc đánh giá

### *3.1. Nguyên tắc khách quan*

Nguyên tắc khách quan được thực hiện trong khi kiểm tra và đánh giá nhằm đảm bảo sao cho kết quả thu thập được ít chịu ảnh hưởng từ những yếu tố chủ quan khác. Sau đây là một số yêu cầu khi thực hiện nguyên tắc khách quan:

- Kết hợp kiểm tra định tính với kiểm tra định lượng;
- Kết hợp nhiều phương pháp đánh giá khác nhau (phương pháp đánh giá truyền thống và phương pháp đánh giá hiện đại) nhằm hạn chế tối đa các nhược điểm của mỗi loại hình đánh giá;
- Đảm bảo môi trường, cơ sở vật chất không ảnh hưởng đến việc thực hiện các bài tập đánh giá của học sinh;
- Kiểm soát các yếu tố khác ngoài khả năng thực hiện bài tập đánh giá của học sinh có thể ảnh hưởng đến kết quả bài làm hay thực hiện hoạt động của các em. Các yếu tố khác đó có thể là trạng thái sức khỏe, tâm lí lúc làm bài hay thực hiện hoạt động; ngôn ngữ diễn đạt trong bài kiểm tra; độ dài của bài kiểm tra; sự quen thuộc với bài kiểm tra (làm một bài kiểm tra mà trước đây học sinh đã được làm hoặc đã được ôn tập);
- Những phán đoán liên quan đến giá trị và quyết định về việc học của học sinh phải được xây dựng trên ba cơ sở:
  + Kết quả học tập thu thập được một cách có hệ thống trong quá trình dạy học, tránh những thiên kiến, những biểu hiện áp đặt chủ quan;
  + Các tiêu chí đánh giá với các mức độ đạt được một cách rõ ràng;
  + Sự kết hợp cân đối giữa hai loại đánh giá thường xuyên và tổng kết.



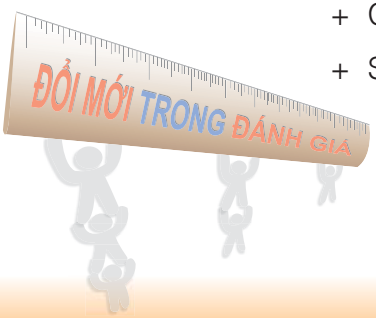

### 3.2. Nguyên tắc công bằng

Nguyên tắc công bằng cần được thực hiện trong đánh giá kết quả học tập nhằm đảm bảo rằng những học sinh thực hiện các hoạt động học tập với cùng một mức độ và thể hiện cùng một nỗ lực trong học tập sẽ nhận được những đánh giá kết quả như nhau.

Sau đây là một số yêu cầu nhằm đảm bảo tính công bằng trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

- Mọi học sinh được làm việc đều đặn qua các nhiệm vụ hay bài tập được giao có tính thách thức để giúp mỗi em có thể tích cực vận dụng, phát triển kiến thức và kĩ năng đã học;
- Đề bài kiểm tra phải cho học sinh cơ hội để chứng tỏ khả năng áp dụng những kiến thức, kĩ năng các em đã học vào đời sống hàng ngày và giải quyết vấn đề;
- Đối với những bài kiểm tra nhằm thu thập thông tin để đánh giá xếp loại học sinh, giáo viên cần phải đảm bảo rằng hình thức bài kiểm tra là quen thuộc với mọi học sinh. Mặt khác, ngôn ngữ và cách trình bày được sử dụng trong bài kiểm tra phải đơn giản, rõ ràng, phù hợp với trình độ của học sinh. Bài kiểm tra cũng không nên chứa những hàm ý đánh đố học sinh. Những yêu cầu này nhằm tạo điều kiện đảm bảo cho các kết quả kiểm tra thu nhận được sẽ thể hiện đúng mục tiêu cần đánh giá chứ không phải thể hiện khả năng học sinh có vượt qua những trở ngại do cách trình bày của bài kiểm tra tạo ra;
- Đối với các bài kiểm tra kiểu thực hành hay tự luận, thang đánh giá cần được xây dựng cẩn thận sao cho việc chấm điểm hay xếp loại cũng như ghi nhận xét kết quả phản ánh đúng khả năng làm bài của người học.

### 3.3. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện

Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện cần được thực hiện trong quá trình đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm đảm bảo kết quả học sinh đạt được qua kiểm tra, phản ánh được mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng, thái độ trên bình diện lí thuyết cũng như thực hành, ứng dụng với các mức độ nhận thức khác nhau trong hoạt động học tập của họ. Sau đây là một số yêu cầu nhằm đảm bảo tính toàn diện trong đánh giá kết quả học tập của học sinh:

- Mục tiêu đánh giá cần bao quát các kết quả học tập với những mức độ nhận thức từ đơn giản đến phức tạp và các mức độ phát triển kĩ năng;
- Nội dung kiểm tra đánh giá cần bao quát được các trọng tâm của chương trình, phần học, hay bài học mà ta muốn đánh giá;
- Công cụ đánh giá cần đa dạng;
- Các bài tập hoặc hoạt động đánh giá không chỉ đánh giá kiến thức, kĩ năng môn học mà còn đánh giá các phẩm chất trí tuệ và tình cảm cũng như những kĩ năng xã hội.

### 3.4. Nguyên tắc đảm bảo tính công khai

Đánh giá phải là một tiến trình công khai. Theo yêu cầu của nguyên tắc đảm bảo tính công khai, các tiêu chuẩn và yêu cầu đánh giá các nhiệm vụ hay bài tập, bài thi cần được công bố đến học sinh trước khi họ thực hiện. Các yêu cầu, tiêu chuẩn đánh giá này có thể được thông báo miệng, hoặc được thông báo chính thức qua những văn bản hướng dẫn làm bài. Học sinh cũng cần biết cách tiến hành các nhiệm vụ để đạt được tốt nhất các tiêu chuẩn và yêu cầu đã định. Việc công khai các yêu cầu hoặc tiêu chí đánh giá tạo điều kiện cho người học có cơ sở để xem xét tính chính xác, tính thích hợp trong đánh giá của giáo viên, cũng như tham gia đánh giá kết quả học tập của bạn học và bản thân. Nhờ vậy, việc đảm bảo tính công khai sẽ góp phần làm cho hoạt động kiểm tra đánh giá trong nhà trường khách quan và công bằng hơn.

### 3.5. Nguyên tắc đảm bảo tính giáo dục

Đánh giá phải góp phần nâng cao việc học tập và khả năng tự học, tự giáo dục của học sinh. Học sinh có thể học từ những đánh giá của giáo viên. Và từ những điều học được ấy, học sinh định ra cách tự điều chỉnh hành vi học tập về sau của bản thân. Ví dụ, nếu trọng tâm của đánh giá là diễn đạt ý tưởng mạch lạc, là cách dùng các từ nối một cách hợp lí,... thì người học sẽ thu được cái gì đó về cách diễn đạt ý tưởng mạch lạc và sử dụng các từ nối thích hợp sau khi các em nhận được bài tập làm văn có lời nhận xét của giáo viên liên quan đến trọng tâm đó.

Muốn vậy, giáo viên cần làm cho bài kiểm tra sau khi được chấm trở nên có ích đối với học sinh bằng cách ghi lên bài kiểm tra những ghi chú về:

- Những gì mà học sinh đã làm được.
- Những gì mà học sinh có thể làm được tốt hơn.
- Những gì học sinh cần được hỗ trợ thêm.
- Những gì học sinh cần tìm hiểu thêm.

Nhờ vậy, nhìn vào bài làm của mình, học sinh nhận thấy được sự tiến bộ của bản thân, những gì cần cố gắng hơn trong môn học, cũng như nhận thấy sự khẳng định của giáo viên về khả năng của họ. Điều này có tác dụng động viên người học rất lớn, góp phần quan trọng vào việc thực hiện chức năng giáo dục và phát triển của đánh giá giáo dục.

### 3.6. Nguyên tắc đảm bảo tính phát triển (Nguyên tắc đảm bảo mối quan hệ giữa đánh giá và phát triển, giữa chẩn đoán và dự báo)

Xét về phương diện giáo dục, có thể nói dạy học là phát triển. Nói cách khác, giáo dục là quá trình giúp những cá nhân trong xã hội phát triển những tiềm năng của mình để trở thành những người hữu dụng.

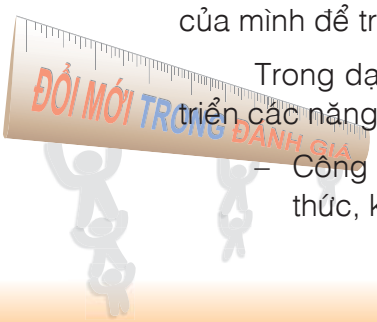


Trong dạy học, để giúp cho việc đánh giá kết quả học tập có tác dụng phát triển các năng lực của người học một cách bền vững, cần thực hiện các điều sau:

- Công cụ đánh giá tạo điều kiện cho học sinh khai thác, vận dụng các kiến thức, kĩ năng liên môn và xuyên môn;

– Phương pháp và công cụ đánh giá góp phần kích thích lối dạy phát huy tinh thần tự lực, chủ động và sáng tạo của học sinh trong học tập, chú trọng thực hành, rèn luyện và phát triển kĩ năng;

– Đánh giá hướng đến việc duy trì sự phấn đấu và tiến bộ của người học cũng như góp phần phát triển động cơ học tập đúng đắn trong người học;

– Qua những phán đoán, nhận xét về việc học của học sinh, người giáo viên nhất thiết phải giúp cho các em nhận ra chiều hướng phát triển trong tương lai của bản thân, nhận ra những tiềm năng của mình. Nhờ vậy, thúc đẩy các em phát triển lòng tự tin, cả hướng phấn đấu học tập và hình thành năng lực tự đánh giá cho học sinh.

Đánh giá năng lực tất nhiên cũng tuân thủ theo các nguyên tắc chung về đánh giá như đã liệt kê. Trong đánh giá năng lực cần lưu ý một số điểm sau:

*Độ giá trị:* Đánh giá phải dựa vào các chứng cứ về các kiến thức, kĩ năng và được tích hợp trong những tình huống, ngữ cảnh thực tế.

*Độ tin cậy:* Quá trình thực hiện đánh giá phải được giám sát và xem xét thường xuyên để đảm bảo nhất quán trong việc giải thích bằng chứng.

*Linh hoạt:* Quá trình đánh giá năng lực cần được thực hiện đa dạng để học sinh có thể thể hiện đươc tốt nhất khả năng như ở lớp, ở nhà, kinh nghiệm học tập, trải nghiệm cuộc sống.

## 4. Đánh giá năng lực như thế nào?

### 4.1. Các công cụ đánh giá kết quả học tập

Vì đánh giá năng lực không chỉ đánh giá các kiến thức, kĩ năng "trong nhà trường" mà các kiến thức, kĩ năng phải liên hệ với thực tế, gắn với bối cảnh hoạt động thực và có sự vận dụng sáng tạo các kiến thức và kĩ năng nên để đánh giá năng lực học tập của học sinh, có thể kết hợp cả 3 loại hình đánh giá sau:

– Đánh giá quá trình, tiến bộ của học sinh và cung cấp thông tin cho giáo viên về việc học;

– Đánh giá tổng kết nhằm mục đích báo cáo và giải trình;

– Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng (đánh giá bạn): Học sinh tham gia tích cực vào quá trình đánh giá, qua đó họ cũng học được kiến thức, kĩ năng và thái độ.

Như vậy, bên cạnh những công cụ đánh giá phổ biến như: đề kiểm tra, bài luận, bài tập ở lớp, bài tập ở nhà, bài thực hành, cần thực hiện một số công cụ đánh giá như: dự án học tập, báo cáo thực nghiệm, sản phẩm, trình diễn thực, phiếu hỏi, kịch bản phỏng vấn, mẫu biểu quan sát và một số công cụ tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực vào quá trình đánh giá: hồ sơ học tập, tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng. Bảng 2 tổng hợp những loại công cụ đánh giá kết quả học tập của học sinh dùng cho mỗi loại đối tượng.



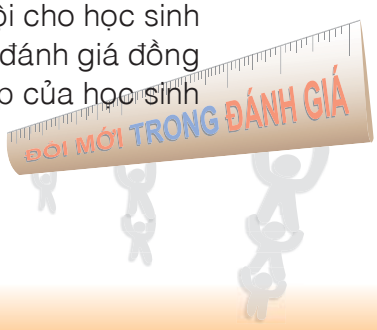

***Bảng 2: Những loại công cụ đánh giá kết quả học tập của học sinh***

| Loại công cụ | Giáo viên | Học sinh |
|---|---|---|
| 1. Đề kiểm tra | x | |
| 2. Bài luận | x | |
| 3. Bài tập ở lớp | x | x |
| 4. Bài tập ở nhà | x | x |
| 5. Dự án học tập | x | x |
| 6. Báo cáo thực nghiệm, thực hành | x | x |
| 7. Sản phẩm (tập san, điêu khắc,...) | x | x |
| 8. Trình diễn thực (đóng vai, biểu diễn) | x | x |
| 9. Phiếu hỏi | x | |
| 10. Kịch bản phỏng vấn | x | |
| 11. Mẫu biểu quan sát | x | |
| 12. Tự đánh giá | | x |
| 13. Đánh giá đồng đẳng | | x |
| 14. Hồ sơ học tập | x | x |

Về bản chất, các loại công cụ này đều quy về một trong bốn dạng sau đây:

i. Câu hỏi lựa chọn (trắc nghiệm khách quan – TNKQ) là câu hỏi có dạng nhiều lựa chọn, đúng/sai, ghép đôi, điền khuyết. Loại câu hỏi này yêu cầu học sinh lựa chọn câu trả lời đúng trong những phương án được nêu sẵn, được sử dụng trong các bộ công cụ 1, 3, 4, 9 ở bảng trên.

ii. Câu hỏi tự tìm tòi rồi trình bày câu trả lời (tự luận) thì thường có hai dạng, câu trả lời có dàn ý sẵn (câu hỏi đóng), câu trả lời không có dàn ý sẵn (câu hỏi mở). Độ dài câu hỏi đa dạng, đối với bài luận đòi hỏi phải dài, có cấu trúc logic, chặt chẽ, trong khi có câu hỏi đóng thì chỉ cần trả lời ngắn bằng một câu hoặc một đoạn. Loại câu hỏi này thường sử dụng trong các bộ công cụ 1, 2, 3, 4, 9, 10 ở bảng trên

iii. Đánh giá thực (còn gọi là trình diễn) là dạng thức đòi hỏi vừa trình bày kết quả sản phẩm, vừa phải trình diễn cả quá trình thực hiện sản phẩm. Dạng thức này được sử dụng trong các bộ công cụ 5, 6, 7, 8.

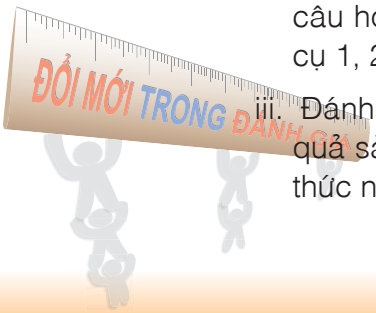

iv. Lập mẫu biểu quan sát đòi hỏi phải quy định rõ ràng những điểm quan sát (kiến thức, kĩ năng gì), những đối tượng cần quan sát (hành vi, thái độ). Dạng thức này được sử dụng trong các bộ công cụ 10 và 11.

## 4.2. Những yêu cầu đối với bốn dạng công cụ

### *4.2.1. Yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan*

Vì câu trả lời đã cho sẵn, để có thể đánh giá chính xác năng lực học sinh nên câu hỏi cần được biên soạn đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau:

1. Thể hiện đúng nội dung và mức độ yêu cầu cần đo đã quy định trong chương trình giáo dục;
2. Đặt một câu hỏi trực tiếp hoặc tạo một tình huống cụ thể;
3. Viết các phương án lựa chọn thật khéo để những học sinh yếu không thể nhận ra hoặc dùng phương pháp loại trừ nhằm tìm phương án đúng dễ dàng;
4. Các phương án nhiễu nên dựa trên các lỗi, các nhận thức sai lệch của học sinh;
5. Câu trả lời cho câu hỏi này không nên phụ thuộc vào đáp án câu hỏi khác;
6. Dùng từ và cấu trúc đơn giản để viết câu hỏi;
7. Phần lựa chọn nên được viết nhất quán và phù hợp với phần diễn;
8. Tránh lựa chọn "Các đáp án trên đều đúng, các đáp án trên đều sai".

### *4.2.2. Yêu cầu đối với câu hỏi tự luận*

1. Thể hiện đúng nội dung và mức độ tư duy cần đo đã quy định trong chương trình giáo dục;
2. Phù hợp với thời gian tìm hiểu đề bài, tìm tòi lời giải và viết câu trả lời, phù hợp với số điểm dành cho nó trong tương quan với các câu hỏi khác;
3. Chỉ rõ nhiệm vụ học sinh cần thực hiện bằng các hướng dẫn cụ thể (không nên để yêu cầu quá rộng mà bất kể câu trả lời nào cũng có thể là đáp án đúng);
4. Sử dụng độ khó phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh;
5. Yêu cầu học sinh phải thể hiện sự am hiểu, xác định và bảo vệ ý kiến cá nhân nhiều hơn là việc chỉ cần nhớ sự kiện, định nghĩa, thông tin...;
6. Nếu có thể, nên nêu rõ các vấn đề: i) Độ dài cần thiết của bài viết; ii) Mục đích bài viết; iii) Thời gian cần thiết để viết bài; iv) Các tiêu chí cần đạt;
7. Nếu yêu cầu chứng minh cho một quan điểm nào đó, thì trong câu hỏi phải nêu rõ: kết quả sẽ được đánh giá dựa trên những lập luận logic đưa ra để chứng minh và bảo vệ quan điểm của mình, chứ không đơn thuần chỉ nêu ra quan điểm đó.

Một số nhiệm vụ học tập thường được giải quyết bởi các câu hỏi tự luận (theo Ebel, Linn và Gronlund, 2000):



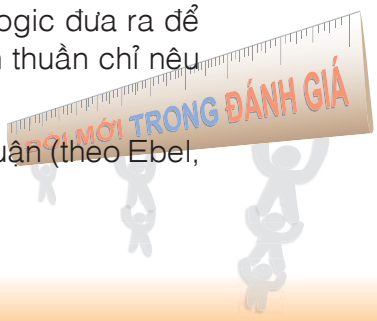

- Thể hiện sự am hiểu, giải thích...
- So sánh, đối chiếu...
- Phân loại, tổ chức, hoặc sắp xếp theo trình tự...
- Dự đoán, nhận ra nguyên nhân và hiệu quả...
- Suy luận điều có thể xảy ra nhất, ai đó sẽ có thể phản ứng...
- Sử dụng nguyên tắc để hướng dẫn/mô tả cách giải quyết vấn đề...
- Phân tích đặc điểm chính của...
- Chứng minh rằng...
- Tóm tắt những điểm chính gì trong...
- Đánh giá: Sử dụng các tiêu chí... để viết một đánh giá...; mô tả những điểm mạnh và điểm yếu của...; giải thích kết quả bằng trích dẫn...;
- Đưa ra giải pháp, tạo ra sản phẩm.

### *4.2.3. Yêu cầu đối với đánh giá xác thực (authentic asessment)*

Đánh giá xác thực là đánh giá trực tiếp khả năng thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn. Trong đó, không chỉ quan tâm đến sản phẩm học tập mà quan tâm đến cả quá trình làm ra sản phẩm đó. Ví dụ khi đánh giá tạp chí, thì hồ sơ các mẫu văn bản có thể được sử dụng để vẽ biểu đồ về sự phát triển kĩ năng viết của học sinh từ khi bắt đầu sản xuất cho đến bản biên tập cuối cùng. Khi đánh giá một dự án bán hàng, bên cạnh báo cáo kết quả bán hàng, cần quan sát sự phát triển các kĩ năng bán hàng của học sinh qua video...

Theo Jon Mueller (2005), đánh giá xác thực có một số hình thức cơ bản sau:

**Sản phẩm:** Học sinh phải tạo ra sản phẩm cụ thể, là bằng chứng của sự vận dụng các kiến thức đã học. Những sản phẩm rất đa dạng, bài luận, bài tập lớn, truyện ngắn, bài thơ, báo cáo khoa học, báo cáo thực hành, biểu đồ, biểu bảng theo chủ đề, băng hình ghi lại các hoạt động, danh mục sách tham khảo, đánh giá của bạn, tự đánh giá của bản thân,... Học sinh phải tự trình bày sản phẩm của mình còn giáo viên đánh giá sự tiến bộ hoặc xem xét quá trình làm ra sản phẩm đơ.

**Dự án học tập:** Thông qua các dự án thực hiện trong vài giờ hoặc một, hai tuần, giáo viên theo dõi quá trình học sinh thực hiện để đánh giá khả năng tự tìm kiếm và thu thập thông tin, tổng hợp và phân tích chúng theo mục tiêu của chủ đề, đánh giá các kĩ năng cần thiết trong cuộc sống như cam kết làm việc, lập kế hoạch, hợp tác, nhận xét, bình luận, giải quyết vấn đề, ra quyết định, trình bày,...

**Trình diễn:** Học sinh làm việc với nhà tài trợ, tìm hiểu yêu cầu của họ, hình thành câu hỏi nghiên cứu, tiến hành các hoạt động để tìm câu trả lời, sau đó trình bày trước nhà tài trợ, bạn và giáo viên. Có bốn yếu tố quan trọng để làm cơ sở cho đánh giá: hồ sơ ghi lại những phương án trả lời qua quá trình khảo sát; bài luận để trình diễn; trình bày bằng lời trước những người quan tâm; khả năng sử dụng công nghệ thông tin.



ĐỔI MỚI TRONG ĐÁNH GIÁ

**Thực hiện:** Học sinh tiến hành thí nghiệm, đi khảo sát và viết báo cáo về kết quả chuyến khảo sát, phỏng vấn hoặc trao đổi thư từ với các chuyên gia và viết các bài luận; ghi lại tiến trình phát triển của một thực thể sống nhỏ; tổ chức một hoạt động (xemina, sinh hoạt câu lạc bộ, thảo luận nhóm, hội thảo...).[8]

### *4.2.4 Quan sát*

Đánh giá qua quan sát được tiến hành khi giáo viên sử dụng thị giác phối hợp với các giác quan khác để xem xét quá trình học tập của học sinh một cách có ý thức, có mục đích, có kế hoạch nhằm thu thập thông tin và đưa ra những kết luận trên cơ sở phân tích các thông tin ấy. Đây là một trong những phương pháp phổ biến của quá trình đánh giá.

Để việc quan sát được thực hiện một cách có hệ thống, người ta thường dùng các ***công cụ*** khác nhau để ghi nhận kết quả quan sát được như: Phiếu kiểm/bảng kiểm, thang xếp hạng, nhật kí giáo viên.

+ Phiếu kiểm là một bảng liệt kê những tiêu chí cần đạt kèm với yêu cầu xác định là có hoặc không và được dùng như một bản hướng dẫn theo dõi, xem xét và ghi nhận các quan sát.

Ví dụ: Bảng kiểm đánh giá năng lực thu thập và xử lí thông tin

| Tiêu chí | Có | Không |
|---|---|---|
| **1. Thu thập thông tin** | | |
| ***Xác định thông tin cần tìm kiếm*** | | |
| – Phân biệt giữa thông tin thích hợp và thông tin không có giá trị. | | |
| ***Xác định nguồn, địa điểm, thời gian*** | | |
| – Đa dạng: SGK, tài liệu viết, tranh ảnh, bản đồ, thực te. | | |
| – Trả lời được câu hỏi: Hỏi ai? Ở đâu? Khi nào? Mất bao lâu? | | |
| – Thuận lợi: Dễ tìm kiếm, tra cứu. | | |
| – Giá trị khác nhau của các nguồn. | | |
| ***Phương pháp/ cách thức thu thập*** | | |
| – Đọc/ nghiên cứu tư liệu viết. | | |
| – Quan sát tranh ảnh, thực tế (ghi chép, bảng kiểm, thang đo,...). | | |
| – Phỏng vấn (bảng hỏi, phiếu điều tra...). | | |



8. *Một số tu liệu thuộc đề tài đánh giá năng lực do PGS.TS. Nguyễn Đức Minh chủ nhiệm.*

| Tiêu chí | Có | Không |
|---|---|---|
| *Cách lưu giữ thông tin đã thu thập* | | |
| – Bảng ghi chép, bảng kiểm,... | | |
| – Ảnh chụp. | | |
| – Bản ghi âm, ghi hình. | | |
| – Mẫu vật. | | |
| **2. Lựa chọn và xử lí thông tin** | | |
| – Trả lời được: Mục đích thông tin/thông tin trả lời cho câu hỏi nào? | | |
| – Có khả năng chỉ ra lợi ích của thông tin tìm thấy liên quan tới chủ đề | | |
| – So sánh, phân biệt giữa thông tin thích hợp và thông tin không có giá trị | | |
| – Minh bạch, rõ ràng, cụ thể (có khả năng phân biệt sự việc từ quan điểm/ý kiến) | | |
| – Tổng hợp thông tin: theo logic, có tính thuyết phục | | |
| **3. Sản phẩm** | | |
| – Nội dung: đầy đủ, chính xác, khoa học (logic), dễ hiểu, thuyết phục. | | |
| – Đa dạng: số liệu, tư liệu, biểu bảng, sơ đồ. | | |
| – Sắp xếp: nổi bật trọng tâm, rõ ràng, ấn tượng. | | |
| – Sáng tạo: nhiều góc nhìn từ nhiều nguồn thông tin; có đề xuất. | | |
| – Kĩ năng trình bày:... | | |

+ Thang xếp hạng là một bảng liệt kê những tiêu chí cần đạt kèm với yêu cầu học sinh được xếp hạng theo thang 3 bậc, 4 bậc hoặc 5 bậc.

Ví dụ: Thang xếp hạng đánh giá năng lực hợp tác của học sinh

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt được | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 4 | 3 | 2 | 1 |
| Nhận nhiệm vụ | Xung phong nhận nhiệm vụ của nhóm. | Nhận nhiệm vụ theo sự phân công. | Nhận nhiệm vụ một cách miễn cưỡng (còn từ chối, đùn đẩy). | Từ chối nhận nhiệm vụ của nhóm. |
| | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Sự tham gia và hỗ trợ | Chủ động tham gia các hoạt động của nhóm và hỗ trợ bạn. | Tham gia các hoạt động nhóm theo sự phân công, có hỗ trợ bạn. | Tham gia các hoạt động nhóm theo sự phân công nhưng còn miễn cưỡng. | Không tham gia các hoạt động nhóm. |
| | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Tôn trọng quyết định chung | Tuyệt đối tôn trọng quyết định chung của nhóm. | Tôn trọng quyết định chung của nhóm. | Có những lúc chưa tôn trọng quyết định chung của nhóm (theo ý mình). | Không tôn trọng quyết định chung của nhóm. |
| | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Kết quả hoạt động và chịu trách nhiệm | Có sản phẩm nhóm hoàn thành tốt, nhanh, có ý tưởng mới, chịu trách nhiệm về sản phẩm. | Sản phẩm nhóm hoàn thành tốt, đúng thời gian, chịu trách nhiệm về sản phẩm. | Sản phẩm nhóm tương đối tốt, đúng thời gian, có lúc chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm. | Sản phẩm nhóm chưa đạt yêu cầu, không chịu trách nhiệm về sản phẩm. |
| | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

+ *Sổ Nhật kí giáo viên* là một bản, sổ hoặc tệp ghi lại những hành vi của học sinh diễn ra ở trong lớp cũng như ở ngoài lớp và có liên quan đến việc học tập, kể cả những hành vi không phải đối tượng trực tiếp của kế hoạch đánh giá chính thức.



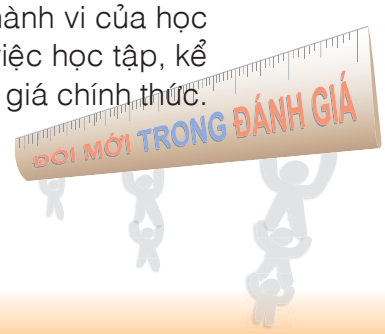

– Ưu điểm và hạn chế của đánh giá qua quan sát: Quan sát sử dụng trong đánh giá có hai ưu điểm: thứ nhất, giúp cho người nghiên cứu hiểu được bối cảnh và thứ hai là nó cung cấp các dữ liệu liên quan trực tiếp đến tình huống hành vi điển hình. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu cũng nhận thấy một số hạn chế của đánh giá qua quan sát, đó là tính "chủ quan" khi quan sát và một hạn chế khác của kĩ thuật quan sát sự can thiệp.

### *4.2.5. Hồ sơ học tập*

Hồ sơ học tập (portfolio) là nơi học sinh lưu giữ các bài làm, sản phẩm của mình cùng với những lời nhận xét. Học sinh lưu giữ hồ sơ học tập của mình như một bằng chứng về những điều mà các em đã tiếp thu được.

Học sinh sẽ sử dụng hồ sơ học tập như một dự án cá nhân trong suốt học kì. Mỗi một hồ sơ của học sinh gồm có hai phần: bìa và nội dung lưu trữ. Với phần bìa, học sinh sẽ được hướng dẫn để tạo ra một chân dung cá nhân hoặc một hình thức trang trí nào đó nhằm tự giới thiệu về "chủ nhân của sản phẩm". Mẫu hồ sơ học tập có thể được thiết kế như sau:

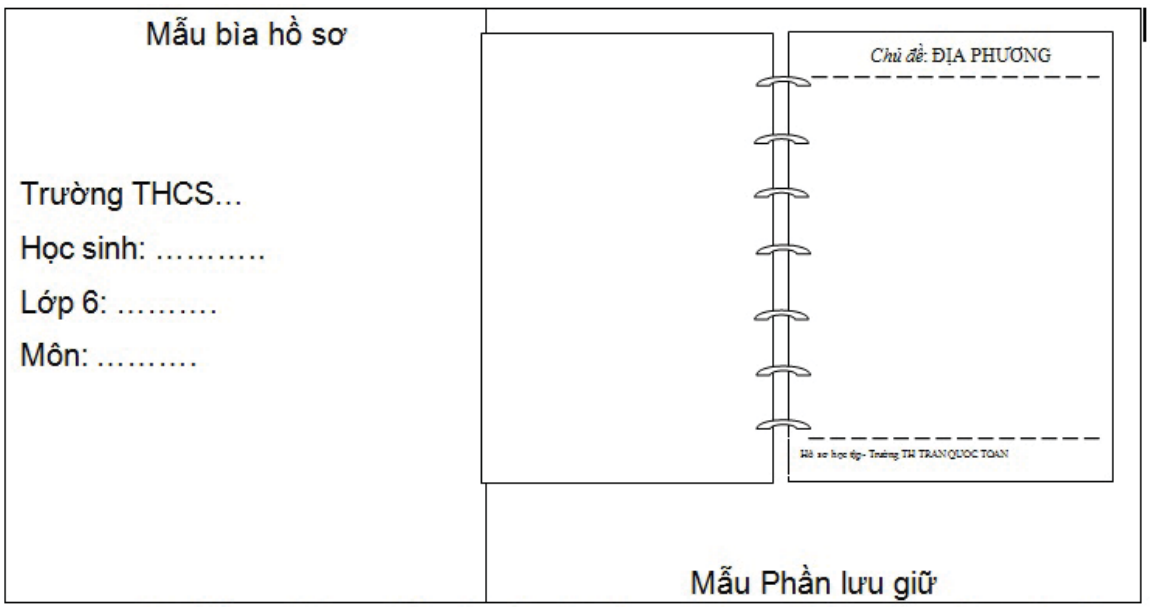


– Ưu điểm và hạn chế của đánh giá qua hồ sơ: Hồ sơ học tập giúp học sinh thấy được khả năng và những tiến bộ rõ rệt của mình để từ đó có được sự điều chỉnh phương pháp học thích hợp. Tuy nhiên, cần cung cấp các phương tiện cần thiết để việc thu thập các dữ liệu trong hồ sơ học tập được thuận lợi. Điều này không phải lúc nào giáo viên cũng có thể thực hiện được.

### *4.2.6. Tự đánh giá*

– Tự đánh giá (self asessment) là quá trình học sinh đánh giá hoạt động và kết quả đạt được của bản thân mình, học sinh không chỉ tự đánh giá mà còn có thể được tham gia vào quá trình xác định các tiêu chí đánh giá thế nào là một thành

quả tốt. Tự đánh giá có mối liên hệ chặt chẽ với một trong những mục tiêu chính của giáo dục: học tập theo định hướng của bản thân.

– Ưu điểm và hạn chế của tự đánh giá: Tự đánh giá giúp người học nhận thức sâu sắc hơn về những gì mình đã học, đã tiến bộ và những gì cần cố gắng, học sinh biết chịu trách nhiệm trước kết quả học tập của mình, tự tin hơn về những gì các em có thể làm được, rèn luyện được cách tự học cho học sinh. Tuy nhiên không phải lúc nào các em cũng có khả năng thực hiện việc tự đánh giá.

### *4.2.7. Đánh giá đồng đẳng*

– Đánh giá đồng đẳng (partner assessment, còn gọi là đánh giá bạn) là quá trình những học sinh cùng tham gia một chương trình học tập đánh giá lẫn nhau. Học sinh quan sát các bạn trong quá trình học tập, vì vậy, thông tin mà các em có về hoạt động của nhau mang tính chi tiết, cụ thể hơn là thông tin thầy cô thu được. Đánh giá đồng đẳng không tập trung vào đánh giá tổng kết cuối kì mà nhằm mục đích hỗ trợ học sinh trong suốt quá trình học tập của các em. Điều này có nghĩa là học sinh sẽ đánh giá lẫn nhau dựa trên các tiêu chí đã được định trước. Các tiêu chí này sẽ do giáo viên tự xác định hoặc do thầy và trò cùng thống nhất xác định và phải thực hiện bằng những ngôn từ cụ thể, phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh.

– Ưu điểm và hạn chế của đánh giá đồng đẳng: Qua đánh giá hoạt động, sản phẩm học tập của bạn, học sinh có thể học hỏi những điểm hay hoặc rút kinh nghiệm từ những chưa tốt của bạn; hình thành khả năng tự chịu trách nhiệm với những nhận xét, đánh giá của mình về bạn học; thông qua việc đánh giá bạn học, học sinh hình thành rõ ràng hơn trong bản thân mình các yêu cầu về học tập, về cách ứng xử với người khác, từ đó, điều chỉnh hay phát triển hành vi, thái độ của bản thân. Tuy nhiên đánh giá đồng đẳng phụ thuộc rất nhiều vào cảm tính của học sinh; khó thu thập được thông tin về những học sinh nhút nhát, ít được bạn chú ý.